

VIETNAM NATIONAL COAL - MINERAL INDUSTRIES HOLDING CORPORATION LIMITED  
VINACOMIN-NORTHERN COAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

REQUEST FOR QUOTATION  
BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Procuring Entity: Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company  
*Bên mời thầu:* Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.

Package No.: NK13/2024  
*Số hiệu gói thầu:* NK13/2024

Name of the Package: Import of coal for the thirteenth time in 2024  
*Tên gói thầu:* Nhập khẩu than đợt 13 năm 2024

Issued on: 25<sup>th</sup> June 2024  
*Phát hành ngày:* 25/06/2024

Issued together with: Decision No. 1810/QĐ-TMB dated 25<sup>th</sup> June 2024  
*Ban hành kèm theo:* Quyết định số 1810/QĐ-TMB ngày 25/06/2024

Representative of Procuring Entity

*Đại diện Bên mời thầu*



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Hoàng Minh Long*

HANOI - JUNE, 2024

HÀ NỘI - THÁNG 6/2024

## TABLE OF CONTENT/ MỤC LỤC

TABLE OF CONTENT/ MỤC LỤC.....	1
ABBREVIATIONS AND DEFINITIONS/CÁC THUẬT NGỮ .....	2
CHAPTER I. INSTRUCTION TO BIDDERS/CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU .....	3
1. Package introduction/Giới thiệu gói thầu.....	3
2. Preparation, submission, opening, and evaluation of Quotations/Chuẩn bị, nộp hồ sơ, mở và đánh giá Báo giá .....	3
CHAPTER II. COAL SUPPLY REQUIREMENTS/ CHƯƠNG II. YÊU CẦU CUNG CẤP THAN.....	44
CHAPTER III. EVALUATION CRITERIA/CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ .....	53
1. Examination and evaluation of the validity of the Quotation/Kiểm tra và Đánh giá tính hợp lệ của Báo giá.....	53
2. Technical evaluation criteria/Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về kỹ thuật	55
3. Financial evaluation criteria/Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về tài chính	55
CHAPTER IV. FORMS/CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU .....	57
1. Form No.01: BID GUARANTEE/Mẫu số 01: BẢO LÃNH DỰ THẦU	58
2. Form No. 02: OFFER SUBMISSION FORM/Mẫu số 02: ĐƠN CHÀO HÀNG.....	67
3. Form No. 03: SUMMARY TABLE OF OFFER PRICE <sup>(1)</sup> /Mẫu số 03: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU <sup>(1)</sup> .....	74
4. Form No. 04: LETTER OF COMMITMENT/Mẫu số 04: BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI THẦU .....	80
CHAPTER V. CONTRACT TERMS AND CONTRACT FORM/ CHƯƠNG V. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG .....	89
5. Form No. 05: NOTICE OF APPROVAL OF THE QUOTATION AND CONTRACT AWARD/Mẫu số 05: THÔNG BÁO CHẤP THUẬN BÁO GIÁ VÀ TRAO HỢP ĐỒNG .....	90
6. Form No.06: DRAFT COAL SALES AND PURCHASE CONTRACT/ Mẫu số 06: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN ...	93
7. Form No. 07: PERFORMANCE GUARANTEE <sup>(1)</sup> / Mẫu số 07: BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG <sup>(1)</sup> .....	125

## ABBREVIATIONS AND DEFINITIONS/CÁC THUẬT NGỮ

RFQ <i>Bản YCBG</i>	Request for Quotation <i>Bản Yêu cầu báo giá</i>
Procuring Entity/Company <i>Bên mời thầu/Công ty</i>	Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company <i>Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin</i>
Quotation <i>Báo giá</i>	Includes all documents which the bidder submits as required in the RFQ to participate in the Quotation process for supplying coal to the Company. <i>Bao gồm toàn bộ tài liệu Nhà thầu nộp theo yêu cầu của Bản YCBG để tham gia báo giá cung cấp than cho Công ty</i>
Contract <i>Hợp đồng</i>	Coal Sales and Purchase Contract <i>Hợp đồng mua bán than</i>
PQ Application <i>HSDST</i>	Pre-qualification Application <i>Hồ sơ dự sơ tuyển</i>
PQD <i>HSMST</i>	Pre-qualification Documents <i>Hồ sơ mời sơ tuyển</i>
Framework Agreement <i>Thỏa thuận khung</i>	An agreement signed between Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company and the Bidders named in the Shortlist <i>Là thỏa thuận được ký giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin và Nhà thầu có tên trong Danh sách ngắn</i>
USD	US Dollar <i>Đó la Mỹ</i>
VND	Viet Nam Dong <i>Việt Nam Đồng</i>



## CHAPTER I. INSTRUCTION TO BIDDERS/CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

### 1. Package introduction/Giới thiệu gói thầu

The Procuring Entity invites the Shortlisted Bidders to submit Quotations for the package with the following information:

*Bên mời thầu mời Nhà thầu trong Danh sách ngắn nộp Báo giá cho gói thầu với thông tin như sau:*

- a) Name of the package: Import of coal for the thirteenth time in 2024.  
*Tên gói thầu: Nhập khẩu than đợt 13 năm 2024.*
- b) Package No.: NK13/2024.  
*Số hiệu gói thầu: NK13/2024.*
- c) Source of capital (or capital raising method) to implement the package: Production and Business cost of Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company.  
*Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để thực hiện gói thầu: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin.*
- d) Type of contract: Contract based on fixed unit price.  
*Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.*
- e) Duration of Contract Performance: From the signing date of the contract to the end of 30<sup>th</sup> October 2024.  
*Thời gian thực hiện Hợp đồng: Từ ngày ký hợp đồng đến hết 30/10/2024.*
- f) Bid Security: Bidders are required to provide Bid Security in accordance with Section 2.14  
*Bảo đảm dự thầu: Nhà thầu được yêu cầu cung cấp Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 2.14.*
- g) Method of Evaluation of Quotations: The Bidder with the lowest evaluated unit price will be awarded the Contract. Details of the evaluation method are provided in Chapter III. Evaluation Criteria.  
*Phương pháp đánh giá Báo giá: Nhà thầu có đơn giá đánh giá thấp nhất sẽ được trao Hợp đồng. Chi tiết về phương pháp đánh giá được quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá.*
- h) Performance Security: Bidders that are awarded the Contract shall be required to provide the Performance Security in accordance with Section 2.28.  
*Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Nhà thầu được trao Hợp đồng được yêu cầu cung cấp Bảo đảm thực hiện Hợp đồng theo quy định tại Mục 2.28.*

### 2. Preparation, submission, opening, and evaluation of Quotations/Chuẩn bị, nộp

*hồ sơ, mở và đánh giá Báo giá*

<p><b>2.1. Components of Quotation</b></p> <p><i>Thành phần của Báo giá</i></p>	<p>Quotation includes the following documents:</p> <p><i>Báo giá bao gồm các tài liệu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Offer Submission Form; <i>Đơn chào hàng;</i></li> <li>b) Completed Forms which include all required information; <i>Các biểu mẫu được hoàn thiện bao gồm tất cả các thông tin được yêu cầu;</i></li> <li>c) Bid Security; <i>Bảo đảm dự thầu;</i></li> <li>d) Power of Attorney (if necessary) according to the form in the PQD; <i>Giấy ủy quyền (nếu cần) theo mẫu trong HSMST;</i></li> <li>e) Other (if any). <i>Các nội dung khác (nếu có).</i></li> </ul> <p>Bidders must complete Offer Submission Form and corresponding forms as prescribed in Chapter IV – Forms.</p> <p><i>Nhà thầu phải lập Đơn chào hàng và các mẫu biểu tương ứng theo quy định tại Chương IV - Biểu mẫu.</i></p> <p>Bidders shall not change any information/forms in the Form except to fill in the blanks. If the Bidder arbitrarily changes any part or does not follow the instructions in the Forms, the Bidder's Quotation may be disqualified.</p> <p><i>Nhà thầu không được thay đổi bất kỳ thông tin/hình thức nào trong Biểu mẫu ngoại trừ việc điền vào chỗ trống. Nếu Nhà thầu tự ý thay đổi bất kỳ phần nào hoặc không tuân theo chỉ dẫn tại các Biểu mẫu, Báo giá của Nhà thầu có thể bị loại.</i></p> <p>Quotations must be ensured the truthfulness and completeness in accordance with the provisions of the RFQ and relevant regulations.</p> <p><i>Các Báo giá phải đảm bảo tính trung thực, đầy đủ theo quy định của Bản YCBG và quy định có liên quan.</i></p> <p>Date of Offer Submission Form and other forms in accordance with the provisions of the RFQ must be not before the issuing time of RFQ and not after the bid closing time.</p>
---	--



	<p><i>Ngày ký Đơn chào hàng và các biểu mẫu theo quy định của Bản YCBG không được trước thời điểm Bên mời thầu phát hành Bản YCBG và sau thời điểm đóng thầu.</i></p>
<p><b>2.2. Offer Submission Form</b> <i>Đơn chào hàng</i></p>	<p>Offer Submission Form, documents in the Quotation, supplemental documents, clarification documents must be signed by the Bidder's legal representative and sealed (if any). The authorized representative must obtain a Power of Attorney.</p> <p><i>Đơn chào hàng, các tài liệu trong Báo giá, tài liệu bổ sung, tài liệu làm rõ phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà thầu và đóng dấu (nếu có). Người đại diện theo ủy quyền phải có Giấy ủy quyền.</i></p> <p>In case the Bidder is a consortium, the Offer Submission Form, documents in the Quotation, supplemental documents and clarification documents must be signed by the legal representative of all consortium members or the head member of the Consortium according to the Consortium Agreement in the PQ Application of the Bidder in the prequalification process and sealed (if any). In case the head member of the consortium authorizes another person to sign the Offer Submission Form, supplemental documents and clarification documents, a Power of Attorney must be attached.</p> <p><i>Trường hợp là Nhà thầu liên danh thì Đơn chào hàng, các tài liệu trong Báo giá, tài liệu bổ sung, tài liệu làm rõ phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đứng đầu liên danh theo Thỏa thuận liên danh trong HSDST của Nhà thầu đó trong bước sơ tuyển và đóng dấu (nếu có). Trong trường hợp thành viên đứng đầu liên danh ủy quyền cho một người khác ký Đơn chào hàng, tài liệu bổ sung, tài liệu làm rõ thì phải có Giấy ủy quyền kèm theo.</i></p>
<p><b>2.3. Language of Quotation</b> <i>Ngôn ngữ của Báo giá</i></p>	<p>The Quotation, as well as all correspondence and documents relating to the Quotation exchanged between the Bidder and the Procuring Entity, shall be written in English or bilingual in English and Vietnamese.</p> <p><i>Báo giá, cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến Báo giá được trao đổi giữa Nhà thầu và Bên mời thầu, sẽ được viết bằng tiếng Anh hoặc song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.</i></p> <p>In case the Quotation is bilingual in English and Vietnamese, if there is any difference between the English and Vietnamese versions, the English version will prevail.</p>

	<p><i>Trường hợp Báo giá bằng song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt, mà có bất kỳ sự sai khác nào giữa bản tiếng Anh và tiếng Việt thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.</i></p> <p>The documents and supporting materials in the Quotation may be in a language other than English and Vietnamese, but must be accompanied by a notarized English translation.</p> <p><i>Đối với các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Báo giá có thể bằng ngôn ngữ khác tiếng Anh và tiếng Việt, nhưng đồng thời phải kèm theo bản dịch tiếng Anh có công chứng.</i></p>
<p><b>2.4. The validity period of the Quotation</b></p> <p><i>Hiệu lực của Báo giá</i></p>	<p>The validity period of the Quotation is 30 days from the bid closing date. Quotations with a shorter validity period than specified will not be further considered and evaluated.</p> <p><i>Thời hạn hiệu lực của Báo giá là 30 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Báo giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.</i></p> <p>In case it is necessary to extend the validity period of Quotation, the Procuring Entity shall notify the Bidder in writing of the extension of the validity of the Quotation. The Bidder that accepts the extension of the validity period of the Quotation shall not change any other content of the Quotation, except for the extension of the validity of the bid security (if any). The request and approval or disapproval of the extension of the validity period of the Quotation must be made in writing (sent by post, fax or email). If the Bidder does not accept the extension of validity period of the Quotation, the Bidder's Quotation will not be considered further.</p> <p><i>Trường hợp cần gia hạn Báo giá, Bên mời thầu sẽ thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản về việc gia hạn hiệu lực của Báo giá. Nhà thầu chấp nhận gia hạn Báo giá không được thay đổi bất kỳ nội dung nào khác trong Báo giá đó, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu (nếu có). Việc yêu cầu và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn Báo giá phải được thực hiện bằng văn bản (gửi chuyển phát qua đường bưu điện, fax hoặc email). Nếu Nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của Báo giá thì Báo giá của Nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp.</i></p> <p>The Bidder's original written acceptance of extension of the validity period of Quotation must be signed by the signatory of the Offer Submission Form and sealed (if any). In case the Bidder sends a written approval of the extension of validity period of the Quotation to the Procuring Entity by fax or email,</p>



	<p>the Bidder must simultaneously send by post the original approval to the Procuring Entity right after the Bidder sends by fax or email to the Procuring Entity and ensure that the Procuring Entity receives it before the time for signing the Minutes of Contract Negotiation. If the Bidder fails to comply with these requirements, the Bidder's Quotation will be disqualified.</p> <p><i>Bản gốc văn bản chấp thuận gia hạn Báo giá của Nhà thầu phải có chữ ký của người ký Đơn chào hàng và đóng dấu (nếu có). Trong trường hợp Nhà thầu gửi văn bản chấp thuận gia hạn Báo giá cho Bên mời thầu bằng fax hoặc email, Nhà thầu đồng thời phải gửi bản gốc tới Bên mời thầu ngay sau khi Nhà thầu đã gửi fax hoặc email tới Bên mời thầu và đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm ký Biên bản thương thảo hợp đồng. Nếu Nhà thầu không thực hiện theo các yêu cầu này, Báo giá của Nhà thầu sẽ bị loại.</i></p>
<p><b>2.5. Cost of participating in the package</b></p> <p><i>Chi phí tham dự gói thầu</i></p>	<p>The Bidder shall bear all costs associated with the preparation and submission of the Quotation. Under no circumstances shall the Procuring Entity be responsible for the costs associated with the Bidder's participation in the package.</p> <p><i>Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp Báo giá. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự gói thầu của Nhà thầu.</i></p>
<p><b>2.6. Clarification of the RFQ</b></p> <p><i>Làm rõ Bản YCBG</i></p>	<p>The Bidder may request in writing for clarification of the RFQ regarding the evaluation criteria or any other content in the RFQ at least 04 (four) working days prior to the bid closing date. When the Procuring Entity receives the Bidder's request for clarification of the RFQ before the deadline specified as above, the Procuring Entity shall respond in writing to all requests for clarification. The Procuring Entity shall send Clarification of RFQ via email to all Shortlisted Bidders, as well as publish on the Company's website, including a description of the requests but without identifying the Bidder who makes request. In case the clarification leads to an amendment of the RFQ, the Procuring Entity must amend the RFQ according to the procedures specified in Section 2.7 below.</p> <p><i>Nhà thầu có thể gửi văn bản đề nghị làm rõ Bản YCBG về Tiêu chuẩn đánh giá hay bất kỳ nội dung nào tại Bản YCBG tối thiểu 04 (bốn) ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Khi Bên mời thầu</i></p>



	<p>nhận được đề nghị làm rõ Bản YCBG của Nhà thầu trước thời điểm đóng thầu theo thời hạn ở trên, Bên mời thầu sẽ trả lời bằng văn bản tất cả các yêu cầu làm rõ. Bên mời thầu cũng sẽ gửi văn bản làm rõ Bản YCBG qua email cho tất cả Nhà thầu trong Danh sách ngắn, đồng thời đăng tải lên website của Công ty, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Bản YCBG thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi Bản YCBG theo thủ tục quy định tại Mục 2.7 dưới đây.</p>
<p><b>2.7. Amendment of the RFQ</b> <i>Sửa đổi Bản YCBG</i></p>	<p>At any time prior to the bid closing time, according to the Company's decision or result of clarification of RFQ, the Procuring Entity may amend the RFQ, notify in writing via email to all Shortlisted Bidders, and publish this on the Company's website.</p> <p><i>Trước thời điểm đóng thầu, theo quyết định của Công ty hoặc kết quả làm rõ theo yêu cầu của Nhà thầu, Bên mời thầu có thể sửa đổi bất kỳ nội dung nào của Bản YCBG và sẽ gửi Thông báo sửa đổi kèm sửa đổi bằng văn bản qua email tới tất cả Nhà thầu trong Danh sách ngắn, đồng thời đăng tải lên website của Công ty.</i></p> <p>Any amendments to be issued shall be deemed to be part of the RFQ</p> <p><i>Bất kỳ văn bản sửa đổi nào được ban hành được coi là một phần của Bản YCBG.</i></p> <p>At its decision, the Procuring Entity may extend the submission deadline of the Quotation in case of amendment of the RFQ, and the extension period shall be at least 03 (three) working days from the date of the amendment of the RFQ. The extension of the submission deadline of Quotations must be clearly stated in the amendment of RFQ.</p> <p><i>Theo quyết định của mình, Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp Báo giá trong trường hợp sửa đổi Bản YCBG, thời gian gia hạn tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày sửa đổi Bản YCBG. Việc gia hạn thời hạn nộp Báo giá phải được quy định rõ trong văn bản sửa đổi Bản YCBG.</i></p>
<p><b>2.8. Specification and signing of Quotation</b> <i>Quy cách và chữ ký trong Báo giá</i></p>	<p>- The Bidder shall prepare 01 (one) original of the Quotation including all documents mentioned in Section 2.1 Chapter I and 00 (zero) copy of the Quotation. The cover of the documents comprising the Quotation shall be clearly marked</p>

"ORIGINAL OF QUOTATION", or "COPY OF QUOTATION".

- Nhà thầu phải chuẩn bị 01 (một) bản gốc Báo giá bao gồm: các tài liệu theo quy định tại Mục 2.1 Chương I và 00 (không) bản sao của Báo giá. Bìa của các tài liệu trong Báo giá phải ghi rõ "BẢN GỐC BÁO GIÁ", hoặc "BẢN SAO BÁO GIÁ".

- If there are any modification or substitution of the Quotation, the Bidder shall prepare one (01) original and 00 (zero) copy of the modified/substitute Quotation. The cover of these documents shall be clearly marked "ORIGINAL OF MODIFIED QUOTATION", "COPY OF MODIFIED QUOTATION", "ORIGINAL OF SUBSTITUTE QUOTATION", "COPY OF SUBSTITUTE QUOTATION".

- Trong trường hợp có sửa đổi hoặc thay thế đối với Báo giá, Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và 00 (không) bản sao bản sao của Báo giá sửa đổi/thay thế. Bìa của các tài liệu phải ghi rõ "BẢN GỐC BÁO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN SAO BÁO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC BÁO GIÁ THAY THẾ", "BẢN SAO BÁO GIÁ THAY THẾ".

- The Bidder shall be responsible for the discrepancy between the original and the copies. In the event of any discrepancy between the original and the copies, the original shall prevail.

- Nhà thầu dự gói thầu phải chịu trách nhiệm về sự khác biệt giữa bản gốc và bản sao. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa bản gốc và bản sao, thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

- The original of Quotation shall be typed or written in indelible ink. The prescribed forms and documents issued by the Bidder to send to the Procuring Entity (if any) must be signed by the Bidder's legal representative and sealed (if any).

- Bản gốc của Báo giá phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai. Các mẫu biểu quy định và các văn bản mà Nhà thầu phát hành để gửi cho Bên mời thầu (nếu có) phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà thầu và đóng dấu (nếu có).

- If the Bidder is a Consortium, the Quotation must bear the signatures of the legal representatives of all Consortium members or the head member of the Consortium according to Consortium Agreement.

- Trường hợp là Nhà thầu liên danh thì Báo giá phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên của Liên



	<p><i>danh hoặc thành viên đứng đầu liên danh theo Thỏa thuận Liên danh.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Any interlineations, erasures, or overwriting shall be valid only if they are signed or initiated at the same page by the signatory of the Offer Submission Form.</li> <li>- <i>Những chữ được ghi thêm, tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký Đơn chào hàng.</i></li> <li>- Copies specified in this RFQ shall be construed as certified copies. For documents that the Bidder does not keep the originals or documents that cannot be authenticated in accordance with the provisions of the law, the Bidder shall submit a copy signed by the legal representative of the Bidder and sealed (if any).</li> <li>- <i>Bản sao được quy định trong Bản YCBG này đều được hiểu là Bản sao có chứng thực. Đối với các tài liệu không có bản gốc hoặc các tài liệu không thể chứng thực được theo quy định pháp luật, thì Nhà thầu nộp bản sao có chữ ký xác nhận của đại diện hợp pháp của Nhà thầu và đóng dấu (nếu có).</i></li> <li>- In some cases, the Bidder may submit original documents to prove qualification and experience (if any).</li> <li>- <i>Trong một số trường hợp, Nhà thầu có thể nộp bản gốc các tài liệu kèm theo để chứng minh năng lực, kinh nghiệm (nếu có).</i></li> </ul>
<p><b>2.9. Sealing and Marking of Quotation</b></p> <p><i>Niêm phong và ghi bên ngoài Báo giá</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- The Quotation envelope contains the original and the copy (copies) and the outer envelope is clearly marked "QUOTATION".</li> <li>- <i>Túi đựng Báo giá bao gồm bản gốc và (các) bản sao, bên ngoài phải ghi rõ "BÁO GIÁ".</i></li> <li>- If there is any modification or substitution of Quotation, the modified or substitute documents (including the original and the copy) must be put into separate envelopes and the outer envelopes are clearly marked "MODIFIED QUOTATION", "SUBSTITUTE QUOTATION".</li> <li>- <i>Trường hợp Nhà thầu có sửa đổi, thay thế Báo giá, hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và bản sao) phải được đựng trong các túi riêng biệt, bên ngoài phải ghi rõ "BÁO GIÁ SỬA ĐỔI", "BÁO GIÁ THAY THẾ".</i></li> <li>- These envelopes, which contain Quotation, Modified Quotation, and Substitute Quotation (if any) must be sealed.</li> </ul>

The sealing of envelopes shall comply with the regulations of Bidder.

*Các túi đựng Báo giá, Báo giá sửa đổi, Báo giá thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo các quy định riêng của Nhà thầu.*

- The outer envelopes shall:

*Trên các túi đựng hồ sơ phải:*

a) Bear the name and address of the Bidder;

*Ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu;*

b) Bear the name and address of the Procuring Entity as specified in Section 2.10;

*Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại Mục 2.10 dưới đây;*

c) Bear the name of the package; and

*Ghi tên của Gói thầu; và*

d) Bear a warning "Do not open before the bid opening time" on the outer envelopes of the Quotation, Modified Quotation, or Substitute Quotation (if any).

*Ghi dòng chữ cảnh báo "không được mở trước thời điểm mở thầu" trên các túi đựng của Báo giá, Báo giá sửa đổi hoặc Báo giá thay thế (nếu có).*

- In case the outer envelope of the Quotation does not bear the information or incorrectly bear the information as prescribed above, resulting in the Procuring Entity's inability to determine the origin and purpose of the submitted documents, the Procuring entity shall refuse to receive these documents and shall not be liable for not receiving the Quotation of the Bidder.

*Trường hợp bên ngoài túi đựng Báo giá không ghi hoặc ghi sai các thông tin theo quy định trên đây dẫn đến việc Bên mời thầu không xác định được nguồn gốc và mục đích của tài liệu gửi đến, Bên mời thầu sẽ từ chối nhận tài liệu này và không phải chịu trách nhiệm về việc không tiếp nhận Báo giá của Nhà thầu.*

Bidder must be responsible for consequences or disadvantages if it does not follow the provisions of this RFQ such as failing to seal or losing the seal during transportation to the Procuring entity, failing to correctly write the information on the outer envelope in accordance with the above provisions. Procuring



	<p>entity will not be responsible for the confidentiality of the Quotation and reserve the rights to refuse to receive Quotation if the Bidder does not comply with the above provisions.</p> <p><i>Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của Bản YCBG này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng hồ sơ theo các quy định trên. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của Báo giá nếu Nhà thầu không tuân thủ các quy định trên đồng thời có quyền từ chối tiếp nhận các báo giá này.</i></p>
<p><b>2.10. Submission of Quotation</b></p> <p><i>Nộp Báo giá</i></p>	<p>Quotations must be delivered in sealed envelopes by hand or by post to address of Procuring Entity:</p> <p><i>Các Báo giá cho Bản YCBG phải đựng trong túi đựng niêm phong và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tới địa chỉ của Bên mời thầu:</i></p> <p>Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company.  <i>Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin.</i>          Address: No.5, Phan Dinh Giot Street, Phuong Liet Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.  <i>Địa chỉ: Số 5, Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</i>          Phone/Điện thoại: (+84) 243.664.1010</p> <p>In case of submitting Quotation by hand at the address of the Procuring Entity, the representative assigned by the Bidder to submit the Quotation is required to provide a letter of introduction issued by the Bidder for submission of the Quotation and must sign the Minutes of the handover of Quotation with the Procuring Entity.</p> <p><i>Trường hợp nộp Báo giá trực tiếp tại địa chỉ của Bên mời thầu, đại diện được Nhà thầu cử đến nộp Báo giá cần có giấy giới thiệu của Nhà thầu đến nộp Báo giá và phải ký Biên bản giao nhận Báo giá với Bên mời thầu.</i></p>
<p><b>2.11. Bid closing time</b></p> <p><i>Thời điểm đóng thầu</i></p>	<p>The bid closing time (the submission deadline of the Quotation) is 14:00 (Hanoi Time) on 4<sup>th</sup> July 2024.</p> <p><i>Thời điểm đóng thầu (thời điểm hết hạn nộp Báo giá) là lúc 14 giờ 00 (Giờ Hà Nội) ngày 04/07/2024.</i></p> <p>- The Procuring Entity may extend the bid closing time by</p>

	<p>amending the RFQ. In this case, all rights and obligations of the Procuring Entity and the Bidder shall be changed according to the newly extended deadline.</p> <p><i>Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi Bản YCBG. Trong trường hợp này, tất cả các quyền và nghĩa vụ của Bên mời thầu và Nhà thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời hạn mới được gia hạn.</i></p> <p>- When extending the submission deadline of Quotation, the Procuring Entity will send notice in writing to the shortlisted Bidders, and at the same time, publish the notice of extension of submission deadline on the website of the Company. The Bidder who already submitted the Quotation can receive it back to modify and supplement. In case the Bidder submits Substitute Quotation but has not received or does not receive back the initial Quotation, the Procuring entity shall manage such initial Quotation under the “confidential” dossier management regime until the Bidder selection result is publicized.</p> <p><i>Khi gia hạn thời hạn nộp Báo giá, Bên mời thầu sẽ gửi thông báo kèm sửa đổi Bản YCBG bằng văn bản qua email cho các Nhà thầu trong Danh sách ngắn, đồng thời đăng tải trên website của Công ty. Nhà thầu đã nộp Báo giá có thể nhận lại để sửa đổi, bổ sung Báo giá của mình. Trường hợp Nhà thầu nộp Báo giá thay thế mà chưa nhận lại hoặc không nhận lại Báo giá ban đầu thì Bên mời thầu quản lý Báo giá đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật” cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</i></p>
<p><b>2.12. Late submission of Quotation</b></p> <p><i>Báo giá nộp muộn</i></p>	<p>Quotation which is received by the Procuring Entity after bid closing time will not be opened, considered invalid, disqualified and returned in its original condition to the Bidder. Any documents sent by the Bidder after the submission deadline of Quotation to modify and supplement the submitted Quotation are invalid, except for documents sent to clarify the Quotation at the request of the Procuring Entity or supplemental and clarification documents to prove the Bidder’s eligibility, qualification, and experience in Section 2.17.</p> <p><i>Báo giá được gửi đến Bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp Báo giá sẽ không được mở, không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho Nhà thầu theo nguyên trạng. Bất kỳ tài liệu nào được Nhà thầu gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp Báo giá để sửa đổi, bổ sung Báo giá đã nộp đều không hợp lệ, trừ tài liệu Nhà thầu gửi đến để làm rõ Báo giá theo yêu cầu của Bên mời thầu</i></p>



	<p>hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu tại Mục 2.17.</p>
<p><b>2.13. Modification, substitution or withdrawal of Quotation</b></p> <p><i>Sửa đổi, thay thế hoặc rút Báo giá</i></p>	<p>After submission, the Bidder may withdraw the Quotation by sending a written notice signed by the legal representative of the Bidder to the Procuring Entity prior to the bid closing time.</p> <p><i>Sau khi nộp, Nhà thầu có thể rút lại Báo giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của Người đại diện hợp pháp của Nhà thầu đến Bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.</i></p> <p>Before the bid closing time, if it is necessary to modify or substitute the Quotation, the Bidder shall submit the Modified Quotation or Substitute Quotation to the Procuring Entity in accordance with prescribed format.</p> <p><i>Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Báo giá thì Nhà thầu nộp Báo giá sửa đổi hoặc Báo giá thay thế cho Bên mời thầu theo quy cách quy định.</i></p> <p>The Bidder must not modify, substitute or withdraw the Quotation after the bid closing time.</p> <p><i>Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút Báo giá sau thời điểm đóng thầu.</i></p>
<p><b>2.14. Bid Security</b></p> <p><i>Bảo đảm dự thầu</i></p>	<p>1. When submitting a Quotation, Bidder shall carry out Bid Security before the bid closing time (submission deadline of Quotation) in the form of an unconditional and irrevocable letter of guarantee issued by a legal representative of a credit institution or a branch of a foreign bank established under the law of Vietnam, the total value of the guarantee(s) shall not be lower than the required value specified in this Section. The letter of guarantee must be made in accordance with Form No. 01 (a) or Form No. 01 (b) Chapter IV – Forms or in another similar form but must include all the basic information of Bid Guarantee as the above forms. In case the validity period of Quotation is extended, the validity period of the Bid Security must also be extended accordingly (equal to the extended validity period of the Quotation plus 30 days).</p> <p><i>Khi tham dự gói thầu, Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu (thời điểm hết hạn nộp Báo giá) theo hình thức thư bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành, tổng giá trị bảo lãnh không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục này. Thư bảo lãnh phải theo Mẫu số</i></p>

01(a) hoặc Mẫu số 01(b) Chương IV - Biểu mẫu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu theo Mẫu nêu trên. Trường hợp Báo giá được gia hạn hiệu lực thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng (bằng thời gian có hiệu lực của Báo giá sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày).

Regarding Consortium, the Bid Guarantee may be provided in one of the two following ways:

*Trường hợp liên danh thì phải thực hiện bảo lãnh dự thầu theo một trong hai cách sau:*

a) Each member of Consortium will provide Bid Guarantee separately, but the total value of Bid Guarantee of all members must be not lower than the required value specified in this Section; if the Bid Guarantee of either member of the Consortium is determined to be invalid, the Quotation of that Consortium will not be further considered and evaluated. If any member of Consortium violates the provisions in the law and/or in the RFQ, resulting in the fact that its Bid Guarantee is not released, the Bid Guarantee of all members of Consortium will not be released and the Procuring entity reserves the rights to request Bidder's Bank/Credit institution to perform its guarantee obligations.

*Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu nhưng phải bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục này; nếu bảo lãnh dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì Báo giá của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật và/hoặc quy định tại Bản YCBG dẫn đến không được giải tỏa bảo lãnh dự thầu theo quy định thì giá trị bảo lãnh dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được giải tỏa và Bên mời thầu có quyền yêu cầu ngân hàng/tổ chức tín dụng của Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.*

b) Members of Consortium agree that one member shall be responsible for providing Bid Guarantee for all members in Consortium. In this case, Bid Guarantee may include the name of Consortium or name of the member who is responsible for providing Bid Guarantee for the whole Consortium, but total value of Bid Guarantee must not be lower than the required value specified in this Section. If any member of Consortium violates provisions in the law and/or in the RFQ, resulting in the fact that its Bid Guarantee is not released, the Bid



Guarantee of Consortium will not be released and the Procuring entity reserves the rights to request Bidder's Bank/Credit institution to perform its guarantee obligation.

*Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo lãnh dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục này. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật và/hoặc quy định tại Bản YCBG dẫn đến không được giải tỏa bảo lãnh dự thầu theo quy định thì giá trị bảo lãnh dự thầu sẽ không được giải tỏa và và Bên mời thầu có quyền yêu cầu ngân hàng/tổ chức tín dụng của Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.*

2. Value, currency unit, and validity period of the Bid Guarantee are as follows:

*Giá trị, đồng tiền, thời gian hiệu lực của bảo lãnh dự thầu như sau:*

a) Bid Guarantee's currency unit:

*Đồng tiền của bảo lãnh dự thầu:*

Domestic Bidder/ Domestic member of Consortium: VND;

*Nhà thầu trong nước/Thành viên liên danh trong nước: VND;*

Foreign Bidder/ Foreign member of Consortium: VND or USD

*Nhà thầu nước ngoài/Thành viên liên danh nước ngoài: VND hoặc USD.*

a) Value of Bid Guarantee: 132,307.50 USD, or 3,369,607,410 VND.

*Giá trị của bảo lãnh dự thầu: 132.307,50 USD, hoặc 3.369.607.410 VND.*

In case the Bidder offers only a part of the quantity of the bidding package, the value of the Bid Guarantee shall be calculated in proportion to the ratio between the quantity offered by the Bidder and the total quantity of the bidding package.

*Trong trường hợp nhà thầu chỉ chào một phần khối lượng công việc của gói thầu thì giá trị của bảo lãnh dự thầu được tính*

*tương ứng với tỷ lệ giữa khối lượng công việc mà nhà thầu chào và tổng khối lượng công việc của gói thầu.*

b) The validity period of the Bid Guarantee is within 60 (sixty) days from the bid closing date.

*Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu là trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.*

Documents proving and specifying that the signatory of Bid Guarantee is the legal representative of the credit institution or bank must be attached.

*Các tài liệu chứng minh và chỉ rõ Người ký Bảo đảm dự thầu là đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc ngân hàng phải được đính kèm.*

b) Bid Guarantee shall be considered invalid in one of the following cases: the total value of Bid Guarantee is lower than the required value, validity period of Bid Guarantee is shorter than the required period as prescribed in subsection 2, Section 2.14; Procuring Entity's name (the Beneficiary's name) is incorrect; Bid Guarantee is not an original and does not have valid signature; Bid Guarantee is signed before the issuing of RFQ; Bid Guarantee fails to comply with subsection 1, Section 2.14; or Bid Guarantee has disadvantaged conditions for the Procuring Entity.

*Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại tiểu mục 2, Mục 2.14, không đúng tên Bên mời thầu (Bên thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành Bản YCBG, không tuân thủ quy định tại tiểu mục 1, Mục 2.14 hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.*

c) For unselected Bidder, Bid Guarantee shall be released to the Bidder from the date of Notice of the Bidder selection result or after the expiration of the validity period of the Bid Guarantee, whichever comes first. For the selected Bidder, the Bid Guarantee shall be released after the Bidder signs the contract and carry out Performance Security.

*Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được giải tỏa bảo đảm dự thầu, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc sau khi hết thời hạn hiệu lực của bảo lãnh dự thầu, tùy điều kiện nào đến trước. Đối với Nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự*



thầu được giải tỏa sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

d) The Bid Guarantee shall not be released and the Procuring entity reserves the rights to request the Bank/Credit institution to perform its guarantee obligations in the following cases:

*Bảo lãnh dự thầu không được giải tỏa và Bên mời thầu có quyền yêu cầu ngân hàng/tổ chức tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong các trường hợp sau đây:*

a) Bidder requests to withdraw the Quotation after the bid closing time and within the validity period of the Quotation;

*Nhà thầu yêu cầu rút Báo giá sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Báo giá;*

b) Bidder violates the law on bidder selection and the provisions in the RFQ, resulting in the cancellation of the package;

*Nhà thầu vi phạm pháp luật về lựa chọn nhà thầu và yêu cầu tại Bản YCBG dẫn đến phải hủy gói thầu;*

c) Bidder fails to carry out Performance Security;

*Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng;*

d) After the expiration of the negotiation time period specified in the Invitation for Contract Negotiation, the Bidder fails to or refuses to negotiate the contract or has negotiated the contract but refuses to complete and sign the Minutes of Contract Negotiation, except in the force majeure cases and the Procuring Entity has received a notice of force majeure from the Bidder within this time period;

*Hết thời hạn trong Thông báo mời thương thảo Hợp đồng mà Nhà thầu không tiến hành thương thảo Hợp đồng hoặc đã thương thảo Hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo Hợp đồng, từ chối ký kết hợp đồng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Nhà thầu trong thời hạn này;*

e) Bidder fails to or refuses to complete and sign the contract within the time period specified in the Notice of Approval of the Quotation and Contract Award of the Procuring Entity, except in the force majeure cases and the Procuring Entity has received a notice of force majeure from the Bidder within this time period;

	<p><i>Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận Báo giá và trao hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Nhà thầu trong thời hạn này;</i></p> <p>f) Bidder violates the principles of contract negotiation in accordance with Section 2.22 Chapter I;</p> <p><i>Nhà thầu vi phạm nguyên tắc thương thảo Hợp đồng quy định tại Mục 2.22 Chương I;</i></p> <p>g) Bidder is not eligible for the release of the Bid Guarantee as specified in Section 2.23 Chapter I.</p> <p><i>Nhà thầu thuộc trường hợp không được giải tỏa bảo lãnh dự thầu theo Mục 2.23 Chương I.</i></p>
<p><b>2.15. Update on the qualification and experience of the Bidder</b></p> <p><i>Cập nhật năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu</i></p>	<p>In case the Bidder has any changes in its structure, organization, eligibility, qualification and experience compared to submitted information in the pre-qualification process and submitted amendments after the pre-qualification process, the Bidder shall send relevant information and documents to the Procuring Entity. For changes after the bid closing time, the Bidder must send information and documents to the Procuring Entity within 03 (three) working days from the time in which there is any of such changes for the Procuring Entity to evaluate but must be before the time of signing the Coal Sales and Purchase Contract.</p> <p><i>Trường hợp Nhà thầu có bất kỳ thay đổi nào về cơ cấu, tổ chức, tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm so với giai đoạn sơ tuyển và các sửa đổi sau giai đoạn sơ tuyển, Nhà thầu phải gửi các thông tin, tài liệu liên quan cho Bên mời thầu. Đối với các thay đổi sau thời điểm đóng thầu, Nhà thầu phải gửi thông tin, tài liệu cho Bên mời thầu trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi thay đổi để Bên mời thầu đánh giá nhưng phải trước thời điểm ký Hợp đồng mua bán than.</i></p>
<p><b>2.16. Opening of Quotation</b></p> <p><i>Mở Báo giá</i></p>	<p>1. The Procuring Entity shall open all Quotations submitted in correct format and submitted before the bid closing time (except for the Quotations that the Bidder requests to withdraw, the Quotations for which are substituted by the Bidder before the bid closing time) at the following time and place:</p> <p><i>Bên mời thầu sẽ mở tất cả các Báo giá đúng quy cách và được nộp trước thời điểm đóng thầu (ngoại trừ các Báo giá mà Nhà thầu yêu cầu rút, các Báo giá đã được Nhà thầu thay thế trước thời điểm đóng thầu) vào thời gian và địa điểm như sau:</i></p>



Time: 14:10 (Hanoi Time) on 4<sup>th</sup> July 2024.

*Thời gian: 14 giờ 10 (Giờ Hà Nội) ngày 04/07/2024.*

Place: Head office of Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company, at: No.5, Phan Dinh Giot Street, Phuong Liet Ward, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

*Địa điểm: Văn phòng Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin tại: Số 5, Phố Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.*

2. The opening of Quotation does not depend on the presence or absence of the representative of the Bidders submitting Quotation. The Procuring Entity shall open each Quotation in alphabetical order of the names of the Bidders submitting the Quotation and follow the following steps:

*Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện Nhà thầu tham gia Báo giá. Bên mời thầu sẽ mở từng Báo giá theo thứ tự chữ cái tên của các Nhà thầu nộp Báo giá và theo trình tự sau đây:*

a) Examine the sealing status;

*Kiểm tra niêm phong;*

b) All Quotations shall be opened and be read out loud the following information: the name of Bidder, number of originals of Quotation, number of copies of Quotation, offer price, offer unit price, offer quantity, discount value (if any), duration of contract performance, validity period of the Quotation, and other details as the Procuring Entity may consider necessary;

*Tất cả các hồ sơ phải được mở và đọc to, rõ các thông tin như tên Nhà thầu, số lượng bản gốc Báo giá, số lượng bản sao Báo giá, giá đề xuất, đơn giá đề xuất, khối lượng đề xuất, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian thực hiện hợp đồng, hiệu lực của Báo giá và các thông tin chi tiết khác mà Bên mời thầu cho là cần thiết;*

c) Representative of the Procuring Entity must sign the Offer Submission Form, Power of Attorney and Discount Letter (if any).

*Đại diện Bên mời thầu phải ký vào bản gốc Đơn chào hàng, Thư ủy quyền và Thư giảm giá (nếu có).*

The Procuring Entity shall prepare Minutes of Quotation opening, which will at least include the name of Bidder, number of originals of Quotation, number of copies of Quotation, offer price, offer unit price, offer quantity, discount

	<p>value (if any), duration of contract performance, validity period of Quotation. A copy of Minutes of Quotation opening will be sent to all Bidders participating in the package.</p> <p><i>Bên mời thầu sẽ lập biên bản mở các Báo giá, trong đó tối thiểu sẽ bao gồm thông tin, tên của Nhà thầu, số lượng bản gốc Báo giá, số lượng bản sao Báo giá, giá đề xuất, đơn giá đề xuất, khối lượng đề xuất, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian thực hiện hợp đồng, hiệu lực của Báo giá. Bản sao biên bản mở Báo giá sẽ được gửi cho tất cả các Nhà thầu tham dự gói thầu.</i></p>
<p><b>2.17. Clarification of Quotation</b></p> <p><i>Làm rõ Báo giá</i></p>	<p>1. After Quotation opening, the Bidder is responsible for clarifying the Quotation at the request of the Procuring Entity. All Procuring Entity's requests for clarifications and Bidder's responses must be made in writing.</p> <p><i>Sau khi mở Báo giá, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ Báo giá theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của Nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản.</i></p> <p>2. In the event that Quotation lacks documents proving eligibility, qualification, experience of the Bidder, and other contents as required in the RFQ, the Procuring Entity shall request the Bidder to clarify and supplement such documents. The Bidder shall notify the Procuring Entity of the receipt of the request for clarification by email, by hand, by post, or by fax. The specifications, delivery method, and address for sending the response and clarifications to the Procuring Entity are in accordance with the provisions in Section 2.8, Section 2.9 and Section 2.10 of Chapter I.</p> <p><i>Trong trường hợp Báo giá của Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu, các nội dung khác theo yêu cầu trong Bản YCBG thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ bằng một trong các cách sau: gửi email xác nhận hoặc gửi văn bản trực tiếp, qua đường bưu điện, fax. Quy cách, cách thức, địa chỉ Nhà thầu gửi phản hồi, bổ sung làm rõ đến Bên mời thầu được áp dụng tương tự như Mục 2.8, Mục 2.9 và Mục 2.10 Chương I.</i></p> <p>3. For clarifications that affect directly the evaluation of the Bidder's eligibility, qualification, experience, technical requirement, and financial requirement, if the deadline for clarification expires and the Bidder fails to send any</p>



	<p>clarification or the clarification does not satisfy the request for clarification from the Procuring Entity, the Procuring Entity shall evaluate the Quotation that is sent prior to the submission deadline of Quotation and clarification documents submitted by the Bidder for clarification (if any).</p> <p><i>Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ theo yêu cầu của Bên mời thầu mà Nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá Báo giá của Nhà thầu theo Báo giá nộp trước thời điểm đóng thầu và các tài liệu làm rõ mà Nhà thầu đã nộp (nếu có).</i></p> <p>4. The clarification must not change important information about the Bidder, Quotation, offer unit price, offer price.</p> <p><i>Việc làm rõ không được làm thay đổi các thông tin quan trọng về Nhà thầu, Báo giá, đơn giá, giá dự thầu.</i></p>
<p><b>2.18. Responsiveness of Quotation</b></p> <p><i>Phản hồi Báo giá</i></p>	<p>The Procuring Entity may disqualify any Quotation that does not meet the requirements of the RFQ. In the event that the information provided by the Bidder is incomplete or the Bidder's clarification does not meet these requests for clarification of Procuring entity, and/or missing information, the Bidder's Quotation may be disqualified.</p> <p><i>Bên mời thầu có thể loại bất kỳ Báo giá nào không đáp ứng với các yêu cầu của Bản YCBG. Trong trường hợp thông tin được cung cấp bởi Nhà thầu không đầy đủ hoặc cần làm rõ mà Nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu làm rõ và/hoặc thiếu thông tin, Báo giá của Nhà thầu có thể sẽ bị loại.</i></p> <p>For important information directly affecting the evaluation of Quotations and the ranking of Bidders, if the Bidder states incompletely or unclearly, the Bidder's Quotation will be disqualified.</p> <p><i>Đối với các thông tin quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá Báo giá, xếp hạng Nhà thầu mà Nhà thầu ghi không đầy đủ, không rõ ràng thì Báo giá của Nhà thầu sẽ bị loại.</i></p>
<p><b>2.19. Offer price and discounts</b></p> <p><i>Giá chào và giảm giá</i></p>	<p>1. The offer price is the price stated by the Bidder in the Offer Submission Form, including all costs (excluding discounts), taxes, fees and charges for the performance of the bidding package/part of the tasks offered by the Bidder as required in Section 1 of Chapter II, plus cost contingency. In case the</p>

Bidder declares that the offer price does not include taxes, fees and charges (if any), the Bidder's Quotation will be disqualified.

*Giá dự thầu (giá chào) là giá do Nhà thầu ghi trong Đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá), các khoản thuế, phí, lệ phí để thực hiện gói thầu/phần công việc mà nhà thầu chào theo yêu cầu tại Mục 1 Chương II và chi phí dự phòng. Trường hợp Nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Báo giá của Nhà thầu sẽ bị loại.*

2. The Bidder must be responsible for performing and completing the tasks in accordance with the requirements stated in the RFQ at its offer price and offer unit price. In case the Bidder quotes an unusual unit price, the Procuring Entity may request the Bidder to clarify the structure of that unit price.

*Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu, đơn giá dự thầu để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu của Bản YCBG, trường hợp Nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó của Nhà thầu.*

3. The Bidder must submit Quotation for a part of or all of the entire quantity of coal described in Section 1 Chapter II and state the offer unit price and total offer price for the tasks in accordance with the corresponding forms as specified in Chapter IV – Forms.

*Nhà thầu phải nộp Báo giá cho một phần hoặc toàn bộ khối lượng than được mô tả tại Mục 1 Chương II và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho các công việc theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV – Biểu mẫu.*

4. If the Bidder proposes a discount, the Bidder can state the discount value in the Offer Submission Form or separately in a discount letter. In case there is a discount letter, the discount letter may be included in the Quotation or may be submitted separately but must reach the Procuring Entity before the bid closing time. The discount letter shall be preserved by the Procuring Entity as part of the Quotation and shall be opened simultaneously with the Quotation of the Bidder.

*Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Báo giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu*



	<p><i>nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của Báo giá và được mở đồng thời cùng Báo giá của Nhà thầu.</i></p> <p>The discount value shall be referred to as a discount on the total offer price of the goods excluding cost contingency.</p> <p><i>Giá trị giảm giá phải được tính cho tổng giá chào của hàng hóa chưa bao gồm chi phí dự phòng.</i></p>
<p><b>2.20. Offer currency unit and Payment currency unit</b></p> <p><i>Đồng tiền chào thầu và thanh toán</i></p>	<p>1. Offer currency unit and Payment currency unit is USD.</p> <p><i>Đồng tiền chào thầu và thanh toán: Đồng USD.</i></p> <p>2. In case the offer currency unit and payment currency unit do not comply with the above requirements, the Bidder's Quotation will be disqualified.</p> <p><i>Trong trường hợp đồng tiền chào thầu và thanh toán không tuân theo yêu cầu trên, Báo giá của Nhà thầu sẽ bị loại.</i></p>
<p><b>2.21. Quotation evaluation and ranking of Bidders</b></p> <p><i>Đánh giá Báo giá và xếp hạng Nhà thầu</i></p>	<p>1. The Procuring Entity shall apply the criteria listed in this Section and method of evaluation prescribed in Chapter III Evaluation Criteria to evaluate Quotation. No other evaluation criteria or methods of evaluation are allowed.</p> <p><i>Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá để đánh giá các Báo giá. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</i></p> <p>2. Examination and evaluation of the validity of the Quotation:</p> <p><i>Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Báo giá:</i></p> <p>a) The examination and evaluation of the validity of Quotation shall comply with provisions in Chapter III. Evaluation Criteria;</p> <p><i>Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Báo giá được thực hiện theo quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá;</i></p> <p>b) Valid Quotation shall be considered and evaluated in detail.</p> <p><i>Nhà thầu có Báo giá hợp lệ được xem xét, đánh giá chi tiết Báo giá.</i></p> <p>3. Detailed evaluation of Quotation and ranking of Bidders:</p> <p><i>Đánh giá chi tiết Báo giá và xếp hạng Nhà thầu:</i></p> <p>a) The detailed evaluation of Quotation shall comply with provision in Chapter III - Evaluation Criteria;</p>

*Việc đánh giá chi tiết Báo giá thực hiện theo quy định tại Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá;*

b) After detailed evaluation of Quotation, the Procuring Entity establish a List of ranked Bidders and the first-ranked Bidder shall be invited to enter into contract negotiation.

*Sau khi đánh giá chi tiết Báo giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng Nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng.*

4. Handling of some situations during the Quotation evaluation process:

*Xử lý một số tình huống trong quá trình đánh giá Báo giá:*

a) In case the offer unit price after error correction, adjustment of deviations, minus the discount value (if any), plus the import tax unit price for CFR unit price portion (if any) of all Bidders whose Quotations meet the requirements on validity and technical criteria exceeds the estimated unit price, the Procuring entity will notify the Bidders for the Bidders to re-offer the offer unit price and offer price.

*Trường hợp đơn giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng đơn giá thuế nhập khẩu tính cho phần đơn giá CFR (nếu có) của tất cả các Nhà thầu có Báo giá đáp ứng các yêu cầu về tính hợp lệ và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật đều vượt đơn giá dự toán thì Bên mời thầu sẽ thông báo đến các Nhà thầu để Nhà thầu chào lại đơn giá và giá dự thầu.*

b) In case after the re-offering of the Bidders, the re-offer unit price of all Bidders after error correction, adjustment of deviations, minus the discount value (if any), plus the import tax unit price for CFR unit price portion (if any) still exceeds the estimated unit price, the Procuring entity shall report to the competent person to cancel the bidding package.

*Trường hợp sau khi Nhà thầu chào lại mà đơn giá chào lại của các Nhà thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng đơn giá thuế nhập khẩu tính cho phần đơn giá CFR (nếu có) vẫn vượt đơn giá dự toán, Bên mời thầu báo cáo người có thẩm quyền để hủy gói thầu.*

c) In case the Procuring Entity negotiates with the current Bidder unsuccessfully, but the next ranked bidder has a offer unit price after error correction, adjustment of deviation, minus the discount value (if any), plus the import tax unit price for CFR unit price portion (if any) exceeding the estimated unit



price, the Procuring Entity may invite the next ranked bidder to negotiate the price but must ensure that the evaluated unit price after negotiation does not exceed the estimated unit price of the approved bidding package.

*Trường hợp Bên mời thầu thương thảo với Nhà thầu xếp hạng trước đó không thành công mà Nhà thầu xếp hạng tiếp theo có đơn giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng đơn giá thuế nhập khẩu tính cho phần đơn giá CFR (nếu có) vượt đơn giá dự toán, Bên mời thầu có thể mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo đó vào thương thảo về giá nhưng phải bảo đảm đơn giá đánh giá sau đàm phán không được vượt đơn giá dự toán của gói thầu được duyệt.*

d) In case there are 02 or more Bidders meeting the requirements of RFQ and having the same offer unit price after error correction, adjustment of deviations, minus the discount value (if any), plus the import tax unit price for CFR unit price portion (if any) and not higher than the estimated unit price, the evaluation shall be handled as follows:

*Trường hợp có từ 02 Nhà thầu đáp ứng các yêu cầu của Bản YCBG và có đơn giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng đơn giá thuế nhập khẩu tính cho phần đơn giá CFR (nếu có) bằng nhau và không cao hơn đơn giá dự toán thì việc đánh giá được xử lý như sau:*

- (i) In case the total offer quantity of these Bidders is not greater than the total quantity of the bidding package: the Bidders are ranked equally, are all invited to negotiate the contract in the order of the ranking, and are all approved to win the bidding package and to be awarded the contract if the negotiation is successful.

*Trường hợp tổng khối lượng chào của các Nhà thầu này không cao hơn khối lượng của gói thầu: các Nhà thầu được xếp hạng ngang nhau, cùng được mời vào thương thảo hợp đồng theo thứ tự xếp hạng, cùng được phê duyệt trúng gói thầu và trao hợp đồng nếu thương thảo thành công.*

- (ii) In case the total offer quantity of these Bidders is greater than the total quantity of the bidding package:

*Trường hợp tổng khối lượng chào của các Nhà thầu này cao hơn khối lượng của gói thầu:*

- In case the offer quantity of these Bidders is not equal: The Bidder with a greater offer quantity will be ranked higher.

	<p><i>Trường hợp khối lượng chào của Nhà thầu không bằng nhau: Nhà thầu chào khối lượng cao hơn sẽ được xếp hạng cao hơn.</i></p> <p>- In case the offer quantity of these Bidders is equal: Bidders with a higher Average annual revenue from production and business activities (excluding VAT) in 03 closest fiscal years prior to the submission deadline of PQ Application will be ranked higher.</p> <p><i>Trường hợp khối lượng chào của các Nhà thầu bằng nhau: Nhà thầu có chỉ tiêu Doanh thu trung bình hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) trong 03 năm tài chính gần nhất trước thời điểm hết hạn nộp HSDST cao hơn sẽ được xếp hạng cao hơn.</i></p>
<p><b>2.22. Contract Negotiation</b></p> <p><i>Thương thảo Hợp đồng</i></p>	<p>1. Based on the list of ranked Bidders, the Procuring Entity invites the first-ranked Bidder to negotiate the Contract. The negotiation of the Contract must be based on the following basis:</p> <p><i>Căn cứ danh sách xếp hạng Nhà thầu, Bên mời thầu mời Nhà thầu xếp hạng thứ nhất đến thương thảo Hợp đồng. Việc thương thảo Hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:</i></p> <p>a) Quotation evaluation report; <i>Báo cáo đánh giá Báo giá;</i></p> <p>b) Quotation and Clarification of Quotation (if any) submitted by the Bidder; <i>Báo giá và các tài liệu làm rõ Báo giá (nếu có) của Nhà thầu;</i></p> <p>c) RFQ; <i>Bản YCBG;</i></p> <p>2. Principles of Contract Negotiation: <i>Nguyên tắc thương thảo Hợp đồng:</i></p> <p>a) The content that the Bidders offer in accordance with the requirements of RFQ shall not be negotiated. Contract negotiation must not change the offer unit price of Bidder after error correction, adjustment of deviations, minus the discount value (if any). The Procuring Entity may still consider if the Bidder offers discounts or service support during negotiations provided that the Bidder still ensures the quality, delivery</p>



schedule, and other contents as required in the RFQ and the Quotation;

*Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà Nhà thầu đã chào theo đúng yêu cầu của Bản YCBG. Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá chào của Nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có). Bên mời thầu vẫn có thể xem xét nếu Nhà thầu đề nghị giảm giá hoặc hỗ trợ dịch vụ trong quá trình thương thảo với điều kiện Nhà thầu vẫn phải đảm bảo chất lượng, thời gian giao hàng và các nội dung khác theo đúng yêu cầu của Bản YCBG và Báo giá;*

b) Negotiation shall be based on the contract form in Form No. 06 Chapter V;

*Thương thảo dựa trên mẫu hợp đồng tại Mẫu số 06 Chương V;*

c) Only negotiate detailed contents to adjust/supplement for Draft Contract provided that the amended and supplemented contents do not conflict with the Contract and the above documents in subsection 1 Section 2.22; and do not reduce Company's rights and interests;

*Chỉ đàm phán các nội dung chi tiết để điều chỉnh/bổ sung nội dung mẫu hợp đồng với điều kiện là nội dung sửa đổi, bổ sung không mâu thuẫn với nội dung của Hợp đồng và các tài liệu nêu tại tiểu mục 1 Mục 2.22; và không làm giảm quyền và lợi ích của Công ty;*

d) Only negotiate within the validity period of Bid Guarantee and Quotation;

*Chỉ thương thảo khi còn thời hạn hiệu lực của bảo lãnh dự thầu và Báo giá;*

e) During Contract Negotiation process, the Procuring Entity has the rights to request the Bidder to resubmit the documents proving qualification and experience to recheck the qualification and experience of the Bidder. If the Procuring Entity detects or suspects inaccuracy in the the Bidder's qualification or/and the quality, quantity, and origin of the goods, the Procuring Entity reserves the rights to examine and re-evaluate qualification and Quotation of Bidder. If the Bidder fails to provide enough documents to prove the accuracy of the Quotation, fails to clarify the Bidder's qualification, documents, and information related to the goods, the Procuring Entity reserves the rights to terminate the Contract negotiation by sending a written notice of termination to the Bidder and

requesting the Bidder's bank/credit institutions to perform the guarantee obligation.

*Trong quá trình thương thảo Hợp đồng, Bên mời thầu có quyền yêu cầu Nhà thầu nộp lại hồ sơ năng lực, kinh nghiệm để kiểm tra lại năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu. Nếu Bên mời thầu phát hiện hoặc có nghi ngờ về năng lực của Nhà thầu hoặc/và chất lượng, khối lượng, nguồn gốc của hàng hóa thì Bên mời thầu cũng có quyền kiểm tra, đánh giá lại năng lực và Báo giá của Nhà thầu. Nếu Nhà thầu không cung cấp đủ các hồ sơ, tài liệu để chứng minh tính chính xác của Báo giá, không làm rõ được năng lực của Nhà thầu và hồ sơ, thông tin có liên quan đến hàng hóa thì Bên mời thầu có quyền chấm dứt thương thảo Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo chấm dứt cho Nhà thầu và yêu cầu ngân hàng/tổ chức tín dụng của Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.*

3. During the Contract negotiation process, the parties shall finalize the draft Contract; specific terms and conditions of the contract, contract addendum, including detailed list of Scope of Supply, price table, delivery schedule, etc.

*Trong quá trình thương thảo Hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản Hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng, danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện...*

4. Content of Contract negotiation:

*Nội dung thương thảo Hợp đồng:*

a) Negotiation about the undetailed, unclear or nonconforming, inconsistent contents, between the RFQ and Quotation, between different contents in the Quotation, which potentially leads to arising issues and disputes or affecting the responsibilities of the parties during the performance of the contract;

*Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Bản YCBG và Báo giá, giữa các nội dung khác nhau trong Báo giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;*

b) Negotiation about the deviations discovered and proposed by the Bidder in the Quotation (if any), including the proposed changes or alternative plan from the Bidder if there is a provision in the RFQ that allows the Bidder to offer an alternative plan;



	<p><i>Thương thảo về các sai lệch do Nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong Báo giá (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án thay thế của Nhà thầu nếu trong Bản YCBG có quy định cho phép Nhà thầu chào phương án thay thế;</i></p> <p>c) Negotiation about arising issues (if any) to clarify and to complete the detailed contents of the bidding package in accordance with principles of contract negotiation;</p> <p><i>Thương thảo về các vấn đề phát sinh (nếu có) nhằm mục tiêu làm rõ, hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu theo đúng các nguyên tắc thương thảo Hợp đồng;</i></p> <p>d) Negotiation about other necessary contents in accordance with principles of contract negotiation.</p> <p><i>Thương thảo về các nội dung cần thiết khác theo đúng các nguyên tắc thương thảo Hợp đồng.</i></p> <p>5. If the negotiation is not successful within the negotiation time period or the negotiation is terminated according to the cases in Section 2.23, Procuring Entity shall invite the next ranked Bidder to enter into contract negotiation; if the negotiation with all the ranked Bidder is not successful, the Procuring Entity shall report to the competent person to consider to decide on the cancellation of the package according to regulations.</p> <p><i>Trường hợp thương thảo không thành công trong thời hạn thương thảo hoặc chấm dứt thương thảo theo Mục 2.23, Bên mời thầu mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với tất cả các Nhà thầu trong danh sách xếp hạng không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy gói thầu theo quy định.</i></p>
<p><b>2.23. Termination of Contract negotiation</b></p> <p><i>Chấm dứt thương thảo Hợp đồng</i></p>	<p>The competent person shall decide to terminate the contract negotiation in the following cases:</p> <p><i>Người có thẩm quyền quyết định chấm dứt thương thảo Hợp đồng trong các trường hợp sau:</i></p> <p>a) The negotiation of the Contract does not meet the conditions and principles set forth in Section 2.22;</p> <p><i>Việc thương thảo Hợp đồng không đáp ứng được các điều kiện, nguyên tắc nêu tại Mục 2.22;</i></p> <p>b) After the expiration of the negotiation time period as specified in the Invitation for Contract Negotiation, the parties fail to complete the signing of the Minutes of Contract</p>

Negotiation for any reason, and the Procuring Entity does not agree to extend the negotiation time period;

*Hết thời hạn thương thảo ghi trong Thông báo mời thương thảo hợp đồng mà các bên không hoàn thành việc ký kết Biên bản thương thảo vì bất kỳ lý do nào, và Bên mời thầu không đồng ý gia hạn thời hạn thương thảo;*

c) After the expiration of the negotiation time period as specified in the Invitation for Contract Negotiation, the Procuring Entity cannot contact or does not receive a response from the Bidder, except in the force majeure cases and the Procuring Entity has received a notice of force majeure from the Bidder within this time period;

*Hết thời hạn thương thảo ghi trong Thông báo mời thương thảo hợp đồng mà Bên mời thầu không thể liên hệ, không nhận được phản hồi từ Nhà thầu, trừ trường hợp bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Nhà thầu trong thời hạn này;*

d) The Bidder proposes to change the basic contents of the Contract or/and the main contents and basic contents of the Quotation without the approval of the Procuring Entity;

*Nhà thầu đề xuất thay đổi các nội dung cơ bản của Hợp đồng hoặc/và các nội dung chính, nội dung cơ bản của Báo giá mà không được sự chấp thuận của Bên mời thầu;*

e) Bidder violates the provisions of this RFQ. In this case, the Procuring Entity has the right, but not the obligation, to extend the time for the Bidder to stop the violation.

*Nhà thầu vi phạm quy định của Bản YCBG này. Trong trường hợp này, Bên mời thầu có quyền, nhưng không có nghĩa vụ gia hạn thời gian để Nhà thầu chấm dứt hành vi vi phạm.*

Upon termination of contract negotiation under subparagraph e of Section 2.23, Bid Guarantee shall not be released to the Bidder and the Bidder shall be dealt with in accordance with the provisions in the Framework Agreement, RFQ and the law. For clarity, the Procuring Entity reserves the right to request the Bank/Credit institutions to perform its guarantee obligations without the written approval of Bidder.

*Khi chấm dứt thương thảo hợp đồng theo điểm e Mục 2.23 này, Nhà thầu sẽ không được giải tỏa bảo lãnh dự thầu và bị xử lý theo quy định tại Thỏa thuận khung, Bản YCBG và quy định pháp luật. Để hiểu rõ, Bên mời thầu có quyền yêu cầu ngân*



	<i>hàng/tổ chức tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà không cần có văn bản chấp thuận của Nhà thầu.</i>
<p><b>2.24. Force majeure event</b></p> <p><i>Sự kiện bất khả kháng</i></p>	<p>1. Force majeure mentioned in RFQ is an event (referred as Force majeure event) which occurs in an objective manner, unforeseeable and uncontrollable even though the Party affected by the Force majeure event has taken all necessary measures to remedy and such event is a direct cause related to the non-performance or delayed performance of the obligations of each Party set out in this RFQ.</p> <p><i>Bất khả kháng đề cập trong Bản YCBG này được hiểu là các sự kiện (gọi là sự kiện Bất khả kháng) xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước và không thể kiểm soát được mặc dù Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết để khắc phục, là nguyên nhân trực tiếp liên quan đến việc không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ các nghĩa vụ của từng Bên được quy định tại Bản YCBG này.</i></p> <p>2. The obligation to notify/ <i>Nghĩa vụ thông báo</i></p> <p>As soon as the force majeure event is determined, affected Party must notify the other party in accordance with the provisions below:</p> <p><i>Ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được xác định, Bên gặp sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải thông báo cho Bên kia theo đúng quy định dưới đây:</i></p> <p>a) Clearly state the obligations that the affected party is unable to perform;</p> <p><i>nêu rõ các nghĩa vụ mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện;</i></p> <p>b) Fully describe the event of force majeure;</p> <p><i>mô tả đầy đủ sự kiện Bất khả kháng;</i></p> <p>c) Estimate the time during which the force majeure will continue;</p> <p><i>ước tính thời gian tiếp diễn của sự kiện Bất khả kháng;</i></p> <p>d) Specify the measures proposed to be adopted to remedy or abate damage of force majeure event;</p> <p><i>chỉ rõ các biện pháp được đề xuất thông qua để khắc phục hoặc làm giảm mức độ thiệt hại của sự kiện bất khả kháng;</i></p> <p>e) Affected Party shall, at the request of the other Party, provide information about impacts arising from force</p>

majeure event;

*Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng phải cung cấp những thông tin về các ảnh hưởng do sự kiện Bất khả kháng theo yêu cầu từ Bên kia;*

- f) Affected Party must promptly notify the other Party when the force majeure has ceased.

*Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng phải thông báo ngay cho Bên kia khi tình huống bất khả kháng đã chấm dứt.*

### 3. Force majeure for the Bidder

*Bất khả kháng đối với Nhà thầu:*

- a) Only applicable to cases where the Bidder encounters force majeure specified in the RFQ: If the Procuring Entity receives a valid notice of force majeure from Bidder, the Bidder can not delay performance of its obligations more than 05 days from the last date that it must perform its obligations as prescribed.

*Chỉ áp dụng đối với các trường hợp Nhà thầu gặp bất khả kháng đã được ghi rõ trong Bản YCBG này: thời gian cho phép trì hoãn thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà thầu là 05 ngày kể từ ngày cuối cùng Nhà thầu phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định nếu Bên mời thầu nhận được thông báo hợp lệ về bất khả kháng của Nhà thầu.*

- b) In case the affected Bidder fails to meet the requirements for force majeure events mentioned in this Section and other provisions mentioned in RFQ, Bidder will be disqualified and dealt with in accordance with the provisions in the PQD, Framework Agreement, RFQ and the law.

*Trong trường hợp Nhà thầu bị ảnh hưởng không đáp ứng được yêu cầu về sự kiện Bất khả kháng nêu tại Mục này và các quy định khác nêu tại Bản YCBG, Nhà thầu sẽ bị loại và bị xử lý theo quy định tại HSMST, Thỏa thuận khung, Bản YCBG và quy định pháp luật.*

### 4. Force majeure for the Procuring Entity

*Bất khả kháng đối với Bên mời thầu:*

- a) In any case, if the Procuring Entity encounters force majeure: the permissible time for delaying the performance of its obligations is until the force majeure ends but not exceeding 20 days from the last time that the Procuring Entity must perform its obligations as prescribed or a reasonable time, depending on the specific case.



*Trong mọi trường hợp nếu Bên mời thầu gặp bất khả kháng; thời gian cho phép trì hoãn thực hiện các nghĩa vụ của mình là cho đến khi bất khả kháng kết thúc nhưng không quá 20 ngày kể từ thời điểm cuối cùng Bên mời thầu phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định hoặc một thời gian hợp lý, tùy từng trường hợp cụ thể.*

- b) In this case, the Bidder reserves the rights to continue or not continue to participate in the Bidder selection process of the Company after the expiration of the time period for performing the obligations of the Procuring Entity; however, the Bidder shall notify in writing to the Procuring entity of the continuation or non-continuation of its participation immediately after receiving the Procuring Entity's notice of force majeure.

*Trong trường hợp này, Nhà thầu có quyền tiếp tục hoặc không tiếp tục tham gia vào quy trình lựa chọn nhà thầu của Công ty sau khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ của Bên mời thầu; tuy nhiên, Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu về việc tiếp tục hoặc không tiếp tục tham gia ngay sau khi nhận được thông báo về bất khả kháng của Bên mời thầu.*

- c) Cancellation of Bidder selection due to force majeure:

*Hủy bỏ lựa chọn nhà thầu do bất khả kháng:*

- (i) If the Procuring Entity has not continued to perform its obligations after more than 20 days from the last time that the Procuring Entity must perform its obligations as prescribed or after a reasonable time at the decision of the competent person, the Bidder selection process shall be considered cancelled;

*Trường hợp quá 20 ngày kể từ thời điểm cuối cùng Bên mời thầu phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định hoặc một thời gian hợp lý theo quyết định của người có thẩm quyền, mà Bên mời thầu vẫn chưa tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình thì quy trình lựa chọn nhà thầu coi như bị hủy bỏ;*

- (ii) The Procuring Entity may also announce the cancellation of the Bidder selection process if it determines that force majeure affects the initial objective, scope of supply, and delivery schedule of coal supply.

*Bên mời thầu cũng có thể tuyên bố hủy bỏ quy trình lựa chọn nhà thầu nếu xác định bất khả kháng ảnh hưởng tới*

	<p><i>mục tiêu, phạm vi, tiến độ cung cấp than ban đầu.</i></p> <p>When cancelling the Bidder selection as prescribed in this Section, the Procuring Entity shall not bear any responsibility to the Bidder.</p> <p><i>Khi hủy bỏ lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Mục này, Bên mời thầu không phải chịu bất cứ trách nhiệm gì đối với Nhà thầu.</i></p> <p>5. Force majeure stipulated in this Section applies only to the pre-qualification process and the quotation process, not to the contract performance phase. For the contract performance phase, force majeure cases will be specified in the Draft Contract and agreed upon by the two parties through contract negotiation.</p> <p><i>Trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục này chỉ áp dụng cho giai đoạn chào giá, không áp dụng đối với giai đoạn thực hiện hợp đồng. Đối với giai đoạn thực hiện hợp đồng, các trường hợp bất khả kháng sẽ được quy định cụ thể trong Dự thảo hợp đồng và được hai bên thống nhất thông qua thương thảo Hợp đồng.</i></p>
<p><b>2.25. Award Criteria</b></p> <p><i>Điều kiện xét duyệt trúng thầu</i></p>	<p>Bidder shall be considered and proposed for contract award upon Bidder satisfies the following conditions:</p> <p><i>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng gói thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Having a valid Quotation;</li> <li><i>Có Báo giá hợp lệ;</i></li> <li>- Quotation of Bidder meets the conditions prescribed in the RFQ;</li> <li><i>Báo giá của Nhà thầu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Bản YCBG;</i></li> <li>- Having the evaluated unit price according to the provisions of Chapter III. Evaluation criteria to be the lowest and the evaluated unit price does not exceed the estimated unit price of the bidding package;</li> <li><i>Có đơn giá đánh giá được đánh giá theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá là thấp nhất và đơn giá đánh giá không vượt đơn giá dự toán của gói thầu;</i></li> <li>- Reach agreement in contract negotiation and complete signing the Minutes of Contract Negotiation with the Procuring Entity.</li> </ul>



	<i>Thương thảo hợp đồng thành công và hoàn thành ký Biên bản thương thảo hợp đồng với Bên mời thầu.</i>
<b>2.26. Publishing of Bidder selection result</b> <i>Công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu</i>	<p>Procuring Entity shall send the notice of Bidder selection result to all Bidders by post or email, and publish the result on the website of the Company. Contents of the notification of Bidder selection result:</p> <p><i>Bên mời thầu gửi thông báo về kết quả lựa chọn nhà thầu đến tất cả các Nhà thầu đã nộp Báo giá bằng đường bưu điện hoặc email, đồng thời đăng tải trên trang trên website của Công ty. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu:</i></p> <p>a) Name of the Package;  <i>Tên Gói thầu;</i></p> <p>b) Name of selected Bidder;  <i>Tên Nhà thầu trúng gói thầu;</i></p> <p>c) List of unselected Bidders and the reasons for not being selected;  <i>Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và lý do không được lựa chọn;</i></p> <p>d) Other relevant information.  <i>Những thông tin liên quan khác.</i></p> <p>Within 03 (three) working days from the date of receiving the notice of the Bidder selection result, if the unselected Bidder has a written request for the reasons for not being selected, within 03 (three) working days from the date on which the Procuring Entity receives the Bidder's request, the Procuring Entity must send a written reply to the Bidder.</p> <p><i>Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc từ ngày nhận được thông báo về kết quả lựa chọn nhà thầu, nếu Nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày Bên mời thầu nhận được yêu cầu giải thích của Nhà thầu, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho Nhà thầu.</i></p>
<b>2.27. Conditions for signing the Contract</b> <i>Điều kiện ký kết Hợp đồng</i>	<p>1. At the time of signing the Contract, the Quotation of the selected Bidder is valid.  <i>Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Báo giá của Nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</i></p> <p>2. At the time of signing the Contract, the selected Bidder must ensure that it meets the requirements on technical and financial</p>

	<p>capacity to implement the bidding package. In case the Bidder no longer basically meets the requirements on qualification and experience as required by the Company, the Company will refuse to sign the Contract with the Bidder. In this case, depending on the actual situation, the competent person shall cancel the issued Decision regarding the approval of Bidder selection result, Notice of Approval of the Quotation and Contract Award and invite the next ranked Bidder to negotiate the contract, or shall handle the situation in another way.</p> <p><i>Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế Nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của Công ty thì Công ty sẽ từ chối ký kết Hợp đồng với Nhà thầu. Trong trường hợp này, tùy theo tình hình thực tế, Người có thẩm quyền sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận Báo giá và trao hợp đồng trước đó và mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng hoặc một hình thức xử lý khác.</i></p> <p>3. At the time of signing the Contract, the Bidder is not removed from the Shortlist.</p> <p><i>Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Nhà thầu không bị loại khỏi Danh sách ngắn.</i></p>
<p><b>2.28. Performance Security</b></p> <p><i>Bảo đảm thực hiện hợp đồng</i></p>	<p>1. Before signing the contract, the selected Bidder must carry out Performance Security in the form of an unconditional and irrevocable letter of guarantee issued by the legal representative of a credit institution or a branch of a foreign bank established under Vietnamese law. The total value of the guarantee(s) shall not be lower than the required value specified in this Section. The letter of guarantee must be made in accordance with Form No. 07 Chapter V – Contract terms and Contract Forms or in another similar form but must fully include the basic contents of the Bid Guarantee in the above form.</p> <p><i>Trước khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành, tổng giá trị bảo lãnh không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục này. Thư bảo lãnh phải theo Mẫu số 07 Chương V - Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng hoặc theo một hình thức khác tương tự</i></p>



nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu theo Mẫu nêu trên.

2. Value, currency unit, and validity period of the Performance Guarantee are as follows:

*Giá trị, đồng tiền, thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng như sau:*

a) Performance Guarantee's currency unit:

*Đồng tiền của bảo lãnh thực hiện hợp đồng:*

Domestic Bidder/Domestic member of consortium: VND;

*Nhà thầu trong nước/Thành viên liên danh trong nước: VND;*

Foreign Bidder/ Foreign member of consortium: VND or USD.

*Nhà thầu nước ngoài/Thành viên liên danh nước ngoài: VND hoặc USD.*

The USD/VND exchange rate is according to the selling rate of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam at the end of the bid opening date.

*Tỷ giá USD/VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam vào cuối ngày có thời điểm mở thầu.*

b) Value of Performance Guarantee: 3% of the winning price, which includes the cost contingency.

*Giá trị của bảo lãnh thực hiện hợp đồng: 3% giá trúng thầu đã bao gồm chi phí dự phòng.*

c) The validity period of the Performance Guarantee is: from the issuing date of Performance Guarantee to the end of 30 days from the expiration date of Contract.

*Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: từ ngày phát hành bảo lãnh đến hết 30 ngày kể từ ngày hết hạn hiệu lực của hợp đồng.*

In case it is necessary to extend the duration of contract performance, the validity period of Performance Guarantee should also be extended accordingly.

*Trong trường hợp cần thiết phải gia hạn hợp đồng, thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng cũng phải được gia hạn tương ứng.*

Documents proving and specifying that the signatory of the Performance Guarantee is the legal representative of the bank or credit institution must be attached.

*Các tài liệu chứng minh và chỉ rõ Người ký Bảo đảm thực hiện hợp đồng là đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng phải được đính kèm.*

3. Performance Guarantee shall be considered invalid in one of the following cases: the Performance Guarantee's value is lower than the required value, validity period of Performance Guarantee is shorter than the required period as prescribed in subsection 2, Section 2.28; Procuring Entity's name (the Purchaser's name) is incorrect; Performance Guarantee is not an original and does not have valid signature; Performance Guarantee is signed before the issuing of Notice of Approval of the Quotation and Contract Award; Performance Guarantee fails to comply with subsection 1, Section 2.28; or Performance Guarantee has disadvantaged conditions for the Procuring Entity.

*Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại tiểu mục 2, Mục 2.28; không đúng tên Bên mời thầu (Bên mua); không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ; ký trước khi Bên mời thầu phát hành Thông báo chấp thuận Bảo giá và trao hợp đồng; không tuân thủ quy định tại tiểu mục 1 Mục 2.28; hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.*

4. If the Bidder fulfills the obligations of the contract, the Bidder's Performance Guarantee shall be released when the Performance Guarantee expires, or when both parties complete their obligations of the Contract and sign the Minutes of Contract Liquidation, whichever comes first.

*Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sẽ được giải tỏa bảo lãnh thực hiện hợp đồng khi bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hạn, hoặc khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng và ký biên bản thanh lý hợp đồng, tùy điều kiện nào đến trước.*

5. The Bidder's Performance Guarantee shall not be released and the Procuring entity reserves the rights to request the Bank/Credit institution to perform its guarantee obligation in the following cases:



	<p><i>Nhà thầu không được giải tỏa bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Bên mời thầu có quyền yêu cầu ngân hàng/tổ chức tín dụng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp sau đây:</i></p> <p>a) The Bidder refuses to perform the contract when it is valid;  <i>Nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</i></p> <p>b) The Bidder is in breach of contractual agreements;  <i>Nhà thầu vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</i></p> <p>c) Contract performance is behind schedule due to Bidder's fault but Bidder refuses to extend the validity period of the Performance Guarantee.  <i>Nhà thầu thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</i></p>
<p><b>2.29. Settlement of proposals in bidding</b>  <b><i>Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn Nhà thầu</i></b></p>	<p>When finding that its legitimate rights and interests are affected, the Bidder has the right to submit a petition about issues during the Bidder selection process and the Bidder selection result to the Company.</p> <p><i>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, Nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đến Công ty.</i></p> <p>Address to receive petitions as Section 2.10.  <i>Địa chỉ nhận đơn kiến nghị như Mục 2.10.</i></p>
<p><b>2.30. Procuring Entity's right to reject Bidder</b>  <b><i>Quyền của Bên mời thầu không chấp nhận Nhà thầu</i></b></p>	<p>The Procuring entity reserves the right to disqualify and reject any Bidder at any time without liability to Bidder in the following cases:</p> <p><i>Bên mời thầu có quyền loại và từ chối bất kỳ Nhà thầu vào bất kỳ thời gian nào mà không phải chịu trách nhiệm đối với Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a) Quotation does not meet requirements of RFQ;  <i>Báo giá của Nhà thầu không đáp ứng được các yêu cầu của Bản YCBG;</i></p> <p>b) Bidder no longer meets the requirements on qualifications and experience as prescribed in PQD;  <i>Nhà thầu không còn đáp ứng các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại HSMST;</i></p>

	<p>c) Bidder violates any content of RFQ, Framework Agreement, or PQD;  <i>Nhà thầu vi phạm bất kỳ nội dung nào của Bản YCBG, Thỏa thuận khung, HSMST;</i></p> <p>d) Bidder is subject to the termination of contract negotiations pursuant to Section 2.23 Chapter I;  <i>Nhà thầu thuộc trường hợp chấm dứt thương thảo theo Mục 2.23 Chương I;</i></p> <p>e) Bidder provides untruthful information in Quotation and in the Bidder selection process in order to falsify Bidder selection results;  <i>Nhà thầu cung cấp các thông tin không trung thực trong Báo giá và quá trình lựa chọn Nhà thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu;</i></p> <p>f) There is evidence of giving, receiving, brokering bribes, collusive tendering, cheating, taking advantage of positions and powers to illegally interfere in bidding activities, leading to falsifying Bidder selection results.  <i>Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn Nhà thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.</i></p> <p>g) Other cases at the Company's decision.  <i>Các trường hợp khác theo quyết định của Công ty.</i></p> <p>Organizations and individuals who violate regulations on Bidder selection will be handled in accordance with law. If the Bidder is handled for violations during the bidding process, it will be considered to be included in the blacklist of the Bidders who are not allowed to participate in bidding packages issued by the Company.</p> <p><i>Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về lựa chọn Nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định về xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Nếu Nhà thầu bị xử lý vi phạm trong quá trình đấu thầu sẽ bị xem xét đưa vào danh sách cấm tham gia đấu thầu do Công ty ban hành.</i></p>
2.31. Procuring entity's right to cancel the package	<p>Company reserves the right to cancel the package and reject all Quotation at any time without liability to Bidder in the following cases:</p>



<p><i>Quyền của Bên mời thầu huỷ gói thầu</i></p>	<p><i>Công ty có quyền huỷ gói thầu và từ chối tất cả các Báo giá vào bất kỳ thời gian nào, mà không phải chịu trách nhiệm đối với Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>a. All Quotations fail to meet requirements of the RFQ; <i>Tất cả các Báo giá không đáp ứng được các yêu cầu của Bản YCBG;</i></p> <p>b. Changes in scope of supply, delivery schedule, and/or other conditions specified in the RFQ; <i>Thay đổi phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa và/hoặc các điều kiện khác đã ghi trong Bản YCBG;</i></p> <p>c. The selected Bidder does not satisfy requirements for execution of the package; <i>Nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</i></p> <p>d. There is evidence of giving, receiving, brokering bribes, colluding bids, cheating, taking advantage of positions and powers to illegally interfere in bidding activities, leading to falsifying Bidder selection results. <i>Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động lựa chọn Nhà thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</i></p> <p>e. Other cases at the Company's decision. <i>Các trường hợp khác theo quyết định của Công ty.</i></p> <p>Organizations and individuals who violate regulations on Bidder selection will be handled in accordance with law. If the Bidder is handled for violations during the bidding process, it will be considered to be included in the blacklist of the Bidders who are not allowed to participate in bidding packages issued by the Company. <i>Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về lựa chọn Nhà thầu sẽ bị xử lý theo quy định về xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Nếu Nhà thầu bị xử lý vi phạm trong quá trình đấu thầu sẽ bị xem xét đưa vào danh sách cấm tham gia đấu thầu do Công ty ban hành.</i></p>
<p><b>2.32. Notice</b> <i>Thông báo</i></p>	<p>Notices sent in accordance with the RFQ and notices sent during the evaluation process of the Bidder's Quotation under the RFQ are deemed to be received by the receiving party on (a) the date of the courier's confirmation of delivery, if</p>

	<p>delivered by post; (b) the date of delivery on the minutes of handover, if delivered by hand; (c) the date of successful faxing by confirmation of fax system, if sent by fax; or (d) the date that email was successfully sent, if sent by email.</p> <p><i>Thông báo gửi theo quy định tại Bản YCBG và trong quá trình đánh giá Báo giá của Nhà thầu theo Bản YCBG được coi là đã nhận bởi bên nhận vào (a) ngày có xác nhận đã gửi của hãng chuyển phát, nếu chuyển phát qua đường bưu điện; (b) ngày giao nhận trên biên bản giao nhận, nếu giao tận tay; (c) ngày xác nhận của hệ thống fax về việc fax thành công, nếu gửi bằng fax; hoặc (d) ngày theo xác nhận của email về việc email thành công, nếu gửi bằng email.</i></p>
<p><b>2.33. Applicable Law</b></p> <p><i>Luật áp dụng</i></p>	<p>The applicable law in the Bidder selection process is Vietnamese law.</p> <p><i>Luật áp dụng trong quá trình lựa chọn nhà thầu cung cấp than là pháp luật Việt Nam.</i></p>



## CHAPTER II. COAL SUPPLY REQUIREMENTS/ CHƯƠNG II. YÊU CẦU CUNG CẤP THAN

### 1. Type of coal, scope of supply, and delivery schedule:

#### 1. *Chủng loại than, phạm vi và tiến độ cung cấp:*

No. STT	Goods <i>Hàng hóa</i>	Quantity (MT) <i>Khối lượng (tấn)</i>	Delivery time at the discharge port <i>Thời gian giao hàng tại cảng dỡ hàng</i>	Place of delivery at the discharge port <i>Địa điểm giao hàng tại cảng dỡ hàng</i>
1	Overseas-produced coal with typical Net calorific value of 5,100 kcal/kg (ARB). <i>Than sản xuất tại nước ngoài có nhiệt năng tính điển hình 5.100 kcal/kg (cơ sở nhận)</i>	100,000 <i>100.000</i>	No later than 30 <sup>th</sup> September 2024 <i>Không muộn hơn ngày 30/09/2024</i>	Hongai and/or Cam Pha port, Quang Ninh, Viet Nam <i>Cảng Hồng Gai và/hoặc cảng Cẩm Phả, Quảng Ninh, Việt Nam</i>

The Bidder can offer for all or part of the quantity of the package, but total quantity offered by the Bidder must not be less than 50,000 MT and must be compatible with the delivery schedule above.

*Nhà thầu có thể chào hàng cho toàn bộ hoặc một phần khối lượng của gói thầu, nhưng tổng khối lượng nhà thầu chào hàng không được nhỏ hơn 50.000 tấn và phải phù hợp với tiến độ giao hàng trên đây.*

Actual payment quantity during the performance of the contract is allowed within 10% tolerance, but the offer quantity must be a fixed number with no quantity tolerance.

*Khối lượng thanh toán thực tế khi thực hiện hợp đồng được phép trong dung sai +/- 10%, tuy nhiên khối lượng nhà thầu chào phải là một con số cố định và không được phép ghi dung sai.*

### 2. Requirements on quality and conditions for coal supply:

#### 2. *Yêu cầu về chất lượng và các điều kiện đối với việc cung cấp than:*

##### 2.1. Coal specification:

##### 2.1. *Quy cách của than:*

No. STT	Specification <i>Chỉ tiêu kỹ thuật</i>	Basis (ISO or ASTM standards) <i>Cơ sở phân tích (theo tiêu chuẩn ISO hoặc ASTM)</i>	Typical value <i>Giá trị điển hình</i>	Rejection <i>Từ chối</i>
1	Total Moisture <i>Độ ẩm toàn phần</i>	As received basis <i>Cơ sở nhận</i>	10% <i>10%</i>	Above 13% <i>Trên 13%</i>
2	Inherent Moisture	Air dried basis	1.5-2%	None

	<i>Nội ẩm</i>	<i>Cơ sở khi khô</i>	<i>1,5-2%</i>	<i>Không</i>
3	Net Calorific Value <i>Nhiệt năng tịnh</i>	As received basis <i>Cơ sở nhận</i>	5,100 kcal/kg <i>5.100 kcal/kg</i>	Under 5,000 kcal/kg <i>Dưới 5.000 kcal/kg</i>
4	Ash Content <i>Độ tro</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khi khô</i>	30-33% <i>30-33%</i>	None <i>Không</i>
5	Total Sulphur <i>Lưu huỳnh</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khi khô</i>	0,6% <i>0,6%</i>	Above 1,0% <i>Trên 1,0%</i>
6	Volatile Matter <i>Chất bốc</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khi khô</i>	14-18% <i>14-18%</i>	Above 18% <i>Trên 18%</i>
7	Fe <sub>2</sub> O <sub>3</sub> <i>Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub></i>	Dry basis <i>Cơ sở khô</i>	4-6% <i>4-6%</i>	Above 8% <i>Trên 8%</i>
8	H <i>H</i>	Air dried basis <i>Cơ sở khi khô</i>	3% <i>3%</i>	Above 3,5% <i>Trên 3,5%</i>
9	Size 0-50mm <i>Cỡ hạt 0-50 mm</i>		95,0% <i>95,0%</i>	None <i>Không</i>
10	HGI <i>HGI</i>		50-70 <i>50-70</i>	None <i>Không</i>
11	Ash fusion temperature (in reducing environment): T1 (Initial Deformation) and T3 (Hemispherical) <i>Nhiệt độ nóng chảy của tro (trong môi trường khử) T1: (Biến dạng ban đầu) T3: (Bán cầu)</i>		T1 ≥ 1,250°C T3 ≥ 1,400°C  T1 ≥ 1.250°C T3 ≥ 1.400°C	T1 < 1,250°C T3 < 1,400°C  T1 < 1.250°C T3 < 1.400°C

## 2.2. Origin of Goods:

### 2.2. Xuất xứ hàng hóa:

- Origin: Overseas-produced coal. Coal must have a clear origin (The Bidder must state origin of coal from a specific country/territory; the Bidder is not allowed to state multiple origins) and must not have origins from embargoed countries and territories.

- *Xuất xứ: Than sản xuất tại nước ngoài. Than phải có xuất xứ rõ ràng (nhà thầu phải ghi rõ xuất xứ than từ một quốc gia/vùng lãnh thổ cụ thể; nhà thầu không được chào nhiều xuất xứ khác nhau) và không được có xuất xứ từ các quốc gia và vùng lãnh thổ bị cấm vận.*

- Coal has not yet been imported and custom cleared into Vietnam's territory.

- *Than chưa được nhập khẩu và thông quan vào lãnh thổ Việt Nam.*



**2.3. Loading port:** Any overseas port.

**2.3. Cảng xếp hàng:** Cảng bất kỳ tại nước ngoài.

**2.4. Discharge port:** Hongai and/or Cam Pha port, Quang Ninh, Viet Nam.

**2.4. Cảng dỡ hàng:** Cảng Hòn Gai và/hoặc cảng Cẩm Phả, Quảng Ninh, Việt Nam.

**2.5. Term of delivery:** CFR Hongai/Cam Pha Port, Quang Ninh, Viet Nam (Incoterms 2020).

**2.5. Điều kiện cơ sở giao hàng:** CFR cảng Hòn Gai/Cẩm Phả, Quảng Ninh, Việt Nam theo Incoterms 2020.

**2.6. Shipment:**

**2.6. Điều kiện giao hàng:**

- Shipping method: By sea.
- Phương thức vận chuyển: Đường biển.
- Transshipment: No.
- Chuyển tải: Không.

**2.7. Terms of Transportation:**

**2.7. Điều kiện vận chuyển:**

**2.7.1. Requirements on means of transportation:**

**2.7.1. Yêu cầu về phương tiện vận chuyển:**

- Means of Transportation: The vessel should be seaworthy, capable of anchoring and discharging Coal at the discharge port.

- Phương tiện vận chuyển: Tàu có khả năng đi biển, neo đậu và dỡ hàng tại cảng dỡ hàng.

- Vessel cranes/derricks: Geared or gearless vessel.

- Cầu tàu: Tàu có cầu hoặc không cầu.

- Vessel class: The vessel should be classified as Lloyd's Classification 100 A1 or equivalent by an international Classification Society.

- Phân loại tàu: Lloyd's Classification 100 A1 hoặc tương đương bởi một Tổ Chức Đăng Kiểm quốc tế.

- Vessel age: the vessel should not be more than 20 years old. The Over Age Premium for vessel more than 16 years old (if any) shall be fully borne by the Bidder.

- Tuổi tàu: Không quá 20 tuổi. Phí tàu già đối với tàu trên 16 tuổi (nếu có) do nhà thầu chịu.

- The vessel should be fully covered by P&I throughout the duration of the voyage by a member of the international group of P&I club, or other P&I club acceptable to the charterer as the case may be.

- Có bảo hiểm bảo hộ và bồi thường (P&I) đầy đủ trong suốt cuộc hành trình từ một thành viên nhóm quốc tế của hội P&I hoặc hội P&I khác được chấp nhận bởi bên

*thuê tàu tùy từng trường hợp.*

- The vessel is capable of self trimming, single deck bulk carriers having a security system and associated security equipment necessary to comply with International Ship and Port Facility Security Code (ISPS Code), all in safe and good working order.

*- Tàu có khả năng tự san hàng, tàu chở hàng rời cấu trúc một tầng boong, có hệ thống an ninh và kết hợp thiết bị an ninh cần thiết để tuân thủ Bộ luật An ninh Tàu Biển và Bến cảng Quốc tế (Bộ luật ISPS), tất cả đều trong điều kiện an toàn và hoạt động tốt.*

- The vessel should not have nationality of embargoed countries and territories.

*- Tàu không mang cờ quốc tịch các quốc gia và vùng lãnh thổ bị cấm vận.*

- The vessel is compliant with all legal requirements at the discharge port, pertaining to the passage to the discharge port, and at the discharge port.

*- Tuân thủ tất cả các yêu cầu pháp lý tại cảng dỡ hàng, liên quan đến việc đi qua cảng dỡ hàng và tại cảng dỡ hàng.*

2.7.2. The Bidder is responsible for carrying out procedures for anchoring/berthing and discharging coal at the discharge port. The Bidder must provide legal documents in accordance with the regulations for Vietnamese relevant authorities to check according to their competence.

*2.7.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục để tàu cập cảng dỡ hàng và làm hàng. Cung cấp các giấy tờ hợp pháp theo quy định để các cơ quan chức năng Việt Nam kiểm tra theo thẩm quyền.*

2.7.3. The goods must be loaded on board from overseas loading ports and transported to the discharge port for direct supply to the Procuring entity; the goods is not allowed to be discharged on any means of transportation and/or warehouse/stockyard before being delivered to the Procuring entity.

*2.7.3. Hàng hóa phải được xếp lên tàu từ một cảng xếp hàng nước ngoài và vận chuyển về Cảng dỡ hàng để cung cấp trực tiếp cho bên mời thầu, không được phép dỡ xuống bất kỳ phương tiện và/hoặc kho bãi nào trước khi giao cho bên mời thầu.*

## **2.8. Terms of discharging and despatch/demurrage:**

### **2.8. Điều kiện dỡ hàng và thưởng phạt dỡ hàng:**

- The risk and expense for discharging cargo from the vessel to the means of water transportation and the expense for floating cranes (if any) at discharge port are on Bidder's account.

*- Rủi ro và chi phí dỡ hàng từ tàu xuống phương tiện vận tải thủy và chi phí thuê cầu nổi (nếu có) tại cảng dỡ hàng do nhà thầu chịu.*

- Average discharging rate: Maximum 8,000 MT (in case of using floating cranes) or maximum 7,000 MT (in case of using vessel's cranes) per Weather Working Day, All Time Day and Night including Saturdays, Sundays, and holidays, excluding the major holidays according to calendar in Vietnam as follows:

*- Tốc độ dỡ hàng trung bình: tối đa 8.000 tấn (trong trường hợp sử dụng cầu nổi)*



hoặc tối đa 7.000 tấn (trong trường hợp sử dụng cầu tàu) trên ngày làm việc trong điều kiện thời tiết bình thường, bao gồm cả ngày lẫn đêm, thứ bảy, chủ nhật hay ngày lễ tết, trừ một số ngày lễ lớn theo lịch Việt Nam sau đây:

- Tet holiday (depends on Vietnamese lunar calendar)/Tết Nguyên Đán (theo âm lịch Việt Nam).
  - New Year - 01 day (1<sup>st</sup> January)/Năm mới ngày 01 tháng 01.
  - Liberation day - 01 day (30<sup>th</sup> April)/Ngày giải phóng 30 tháng 04.
  - Labour day - 01 day (1<sup>st</sup> May)/Quốc tế lao động ngày 01 tháng 05.
  - National day - 01 day (2<sup>nd</sup> September)/Quốc khánh ngày 02 tháng 09.
- Despatch/Demurrage rate: Not exceed USD 7,500/15,000 per day pro rata.
- Mức thưởng/phạt tốc độ dỡ hàng: Không vượt quá 7.500/15.000 USD/ngày.
- Time for initial and final draft survey and time for first opening and last closing of hatches must not be counted as laytime.
- Thời gian giám định món nước đầu, cuối, thời gian mở lần đầu tiên và đóng lần cuối của các nắp hầm hàng không được tính vào thời gian dỡ hàng.
- Discharging time stopping due to unfavourable weather condition shall not be counted as laytime.
- Thời gian dừng dỡ hàng do điều kiện thời tiết không thuận lợi sẽ không tính vào thời gian dỡ hàng.
- Time waiting for high tide: Time waiting for high tide to reach the port/anchorage/berth must not be counted as laytime.
- Thời gian tàu chờ thủy triều: Thời gian tàu chờ thủy triều để vào cảng/khu neo không được tính vào thời gian dỡ hàng.
- Time lost due to quarantine-related procedures: Time lost due to quarantine-related procedures must not be counted as laytime.
- Thời gian liên quan đến kiểm dịch: Thời gian phát sinh liên quan đến yêu cầu kiểm dịch sẽ không được tính vào thời gian dỡ hàng.
- Time for inward/outward clearance: Time for inward/outward clearance in Hongai and/or Cam Pha port, Vietnam must not be counted as laytime.
- Thời gian làm thủ tục hải quan: Thời gian làm thủ tục hải quan ra vào cảng của tàu tại cảng Hòn Gai và/hoặc cảng Cẩm Phả, Việt Nam không được tính vào thời gian dỡ hàng.
- Time waiting for original COO: Time waiting for original COO (if any) must not be counted as laytime.
- Thời gian chờ COO gốc: Thời gian chờ COO gốc (nếu có) sẽ không được tính vào thời gian dỡ hàng.
- The Bidder must bear all the time and cost arising due to the fault of the Bidder and/or the vessel, the Owners and/or the stevedores.
- Nhà thầu phải chịu mọi thời gian và chi phí phát sinh do lỗi của nhà thầu và/hoặc tàu, chủ tàu và/hoặc bên xếp dỡ gây ra.

- If the vessel has to discharge at Hongai port to lighten before arriving at Cam Pha port because of the draft condition of the vessel, the Bidder must bear all the time and cost incurred including but not limited to time and cost incurred in relation with: the draft survey after completing discharging at Hongai port and before starting discharging at Cam Pha port; shifting from Hongai port to Cam Pha port; 12 hours turn time after Notice of Readiness (NOR) tendered at both Hongai port and Cam Pha port, shifting time from waiting anchorage to working anchorage/berth, time for inward/outward clearance...

- Trường hợp tàu phải hạ tải tại khu neo thuộc khu vực cảng Hòn Gai trước khi vào cảng Cẩm Phả do điều kiện mớn nước của tàu, nhà thầu sẽ phải chịu mọi thời gian và chi phí phát sinh bao gồm nhưng không giới hạn liên quan đến: việc giám định mớn nước sau khi kết thúc làm hàng tại khu vực cảng Hòn Gai và trước khi bắt đầu làm hàng tại khu vực cảng Cẩm Phả; việc di chuyển từ khu vực cảng Hòn Gai sang khu vực cảng Cẩm Phả; thời gian chuẩn bị dỡ hàng 12 giờ kể từ thời điểm Thông báo sẵn sàng dỡ hàng (NOR) được trao tại cả hai khu vực cảng Hòn Gai và Cẩm Phả, thời gian di chuyển từ chỗ chờ neo đậu tới bãi neo đậu/cầu cảng làm hàng, thời gian làm thủ tục hải quan ra vào cảng của tàu...

**2.9. Inspection entity:** SGS or equivalent reputable international inspection organization.

**2.9. Đơn vị giám định:** SGS hoặc đơn vị giám định quốc tế có uy tín.

**2.10. Terms of payment:**

**2.10. Điều kiện thanh toán:**

- Payment method: Letter of Credit (L/C) at sight or Usance payable at sight Letter of credit (UPAS L/C) or Telegraphic transfer (T/T).

- Phương thức thanh toán: Thư tín dụng (L/C) trả ngay hoặc Thư tín dụng UPAS (UPAS L/C) hoặc Chuyển tiền bằng điện (T/T).

**2.10.1. In case using L/C payment method:**

**2.10.1. Trường hợp thanh toán bằng L/C:**

- Opening time of L/C: Within 7 working days before the first date of loadport laycan.

- Thời hạn mở L/C: Trong vòng 7 ngày làm việc trước ngày đầu tiên của Laycan cảng xếp hàng.

- Validity period of L/C: 30 working days after the latest date of shipment.

- Thời hạn hiệu lực của L/C: 30 ngày làm việc kể từ ngày giao hàng muộn nhất.

**2.10.2. In case using T/T payment method:**

**2.10.2. Trường hợp thanh toán bằng T/T:**

- 100% of Invoice value shall be paid to the Bidder's account by T/T within 05 working days after coal is completely discharged to the Procuring entity's means of water transportation at the discharge port and the Procuring entity has received all the shipping documents as specified in Item 2.11.2 below.

- 100% giá trị hóa đơn sẽ được thanh toán cho nhà thầu qua T/T trong vòng 05 ngày



làm việc kể từ ngày hàng hóa được dỡ hết xuống phương tiện thủy của Bên mời thầu tại cảng dỡ hàng và Bên mời thầu đã nhận được đầy đủ bộ chứng từ của lô hàng như quy định tại mục 2.11.2 dưới đây.

Notes: The Bidder is allowed to select either of the two payment methods (by L/C or by T/T) or both these payment methods. In case the Bidder selects both payment methods, the specific payment method for each shipment needs to be clearly determined during the negotiation of the contract.

Lưu ý: Nhà thầu được phép lựa chọn một trong hai phương thức thanh toán bằng L/C hoặc thanh toán bằng T/T hoặc cả hai phương thức thanh toán. Trường hợp nhà thầu lựa chọn cả hai phương thức thanh toán thì phương thức thanh toán cụ thể cho mỗi lô hàng cần được xác định rõ khi thương thảo hợp đồng.

## **2.11. Documents provided:**

### **2.11. Các chứng từ cung cấp:**

#### **2.11.1. In case using L/C payment method:**

##### **2.11.1. Trường hợp thanh toán bằng L/C:**

##### **a) Documents presented under L/C:**

##### **a) Chứng từ xuất trình theo L/C:**

- Bill of lading: 3/3 originals and 02 non-negotiable copies Bill of Lading "Clean Shipped on Board", marked "Freight Payable as per charter party".
- Vận đơn: 3/3 bản gốc và 02 bản sao vận đơn sạch ghi rõ " cước đã được trả bởi bên thuê tàu".
- Commercial Invoice: 03 originals.
- Hóa đơn thương mại: 03 bản gốc.
- Certificate of Weight at the loading port: 01 original and 02 copies.
- Chứng thư khối lượng tại cảng xếp hàng: 01 bản gốc và 02 bản sao.
- Certificate of Analysis at the loading port: 01 original and 02 copies.
- Chứng thư chất lượng tại cảng xếp hàng: 01 bản gốc và 02 bản sao.
- Certificate of Hold Cleanliness: 01 original and 02 copies.
- Chứng thư hầm hàng sạch: 01 bản gốc và 02 bản sao.
- Certificate of origin (COO) issued by the local Chamber of Commerce and Industry or relevant Authority: 03 copies.
- Chứng nhận xuất xứ (COO) phát hành bởi Phòng thương mại và công nghiệp địa phương hoặc Cơ quan có thẩm quyền: 03 bản sao.

##### **b) Documents provided outside L/C:**

##### **b) Chứng từ cung cấp ngoài L/C:**

- Original certificate of origin (COO) issued by the local Chamber of Commerce and Industry or relevant Authority must be sent to the Procuring entity by courier before the arrival of the vessel at discharge port. In case the Bidder delays in sending

original COO to the Procuring entity, all time and costs incurred shall be borne by the Bidder.

- *Bản gốc chứng nhận xuất xứ (COO) phát hành bởi Phòng thương mại và công nghiệp địa phương hoặc Cơ quan có thẩm quyền phải được gửi bằng chuyển phát nhanh tới bên mời thầu trước thời điểm tàu đến cảng dỡ hàng. Trường hợp nhà thầu chậm trễ trong việc gửi COO gốc cho bên mời thầu, mọi thời gian và chi phí phát sinh sẽ do nhà thầu chịu.*

- One set of scanned copies of shipping documents: Bill of lading, Commercial Invoice, Certificate of Weight at the loading port, Certificate of Analysis at the loading port, Certificate of Hold Cleanliness, Certificate of Origin must be sent to the Procuring entity by email as soon as possible right after the departure of the vessel at the loading port and at least 02 working days before the arrival of the vessel at discharge port. In case the Bidder delays in sending these scanned documents to the Procuring entity, all time and costs incurred shall be borne by the Bidder.

- *Bản sao bộ chứng từ bao gồm: Vận đơn, Hóa đơn thương mại, Chứng thư khối lượng tại cảng xếp hàng, Chứng thư chất lượng tại cảng xếp hàng, Chứng thư hầm hàng sạch, Chứng nhận xuất xứ phải được gửi qua email cho bên mời thầu sớm nhất có thể ngay sau khi tàu rời cảng xếp và ít nhất 02 ngày làm việc trước khi tàu về đến cảng dỡ hàng. Trường hợp nhà thầu chậm trễ trong việc gửi các chứng từ này cho bên mời thầu, mọi thời gian và chi phí phát sinh sẽ do nhà thầu chịu.*

2.11.2. In case using T/T payment method:

2.11.2. Trường hợp thanh toán bằng T/T:

a) One set of the following documents must be sent to the Procuring entity by courier as soon as possible right after the departure of vessel at loading port:

a) *Bộ chứng từ sau đây phải được gửi bằng chuyển phát nhanh tới bên mời thầu sớm nhất có thể ngay sau khi tàu rời cảng xếp hàng:*

- Bill of lading: 3/3 originals and 02 non-negotiable copies Bill of Lading "Clean Shipped on Board", marked "Freight Payable as per charter party".

- *Vận đơn: 3/3 bản gốc và 02 bản sao vận đơn sạch ghi rõ " cước đã được trả bởi bên thuê tàu".*

- Commercial Invoice: 03 originals.

- *Hóa đơn thương mại: 03 bản gốc.*

- Certificate of Weight at the loading port: 01 original and 02 copies.

- *Chứng thư khối lượng tại cảng xếp hàng: 01 bản gốc và 02 bản sao.*

- Certificate of Analysis at the loading port: 01 original and 02 copies.

- *Chứng thư chất lượng tại cảng xếp hàng: 01 bản gốc và 02 bản sao.*

- Certificate of Hold Cleanliness: 01 original and 02 copies.

- *Chứng thư hầm hàng sạch: 01 bản gốc và 02 bản sao.*

- Certificate of origin (COO) issued by the local Chamber of Commerce and Industry or relevant Authority: 01 original and 03 copies.



- Chứng nhận xuất xứ (COO) phát hành bởi Phòng thương mại và công nghiệp địa phương hoặc Cơ quan có thẩm quyền: 01 bản gốc và 03 bản sao.

If these documents are received by the Procuring entity after the vessel has arrived at the discharge port, all time and costs incurred shall be borne by the Bidder.

*Nếu bên mời thầu nhận được các chứng từ này sau khi tàu đến cảng dỡ, mọi thời gian và chi phí phát sinh sẽ do nhà thầu chịu.*

b) One set of scanned copies of the shipping documents mentioned in point a) Item 2.11.2 must be sent to the Procuring entity by email at least 02 working days before the arrival of the vessel at discharge port. In case the Bidder delays in sending these scanned documents to the Procuring entity, all time and costs incurred shall be borne by the Bidder.

*b) Một bản scan bộ chứng từ nêu ở điểm a) tiểu mục 2.11.2. phải được gửi qua email cho bên mời thầu ít nhất 02 ngày làm việc trước khi tàu về đến cảng dỡ hàng. Trường hợp nhà thầu chậm trễ trong việc gửi các chứng từ này cho bên mời thầu, mọi thời gian và chi phí phát sinh sẽ do nhà thầu chịu.*

Notes: The Bidder is allowed to offer with documents provided in either of the two payment methods (by L/C or by T/T) or both these payment methods, but this must be consistent with the Bidder's selection of payment methods in section 2.10 above.

*Lưu ý: Nhà thầu được phép chào các chứng từ cung cấp theo một trong hai phương thức thanh toán bằng L/C hoặc thanh toán bằng T/T, hoặc cả hai phương thức nhưng phải phù hợp với lựa chọn của nhà thầu về phương thức thanh toán tại mục 2.10 trên đây.*

### CHAPTER III. EVALUATION CRITERIA/CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

#### 1. Examination and evaluation of the validity of the Quotation/Kiểm tra và Đánh giá tính hợp lệ của Báo giá

##### 1.1. Examination of Quotation/Kiểm tra Báo giá

- a) Examine the number of original and copy of the Quotation;

*Kiểm tra số lượng bản gốc, bản sao của Báo giá;*

- b) Examine the components of the original Quotation, including: Offer Submission Form, Summary Table of Offer Price, and all other documents as prescribed in Chapter I;

*Kiểm tra thành phần của bản gốc Báo giá, bao gồm: Đơn chào hàng, Bảng tổng hợp giá dự thầu và các tài liệu khác theo yêu cầu tại Chương I;*

- c) Examine the consistency of content between the original and the copy to serve the detailed evaluation process of the Quotation.

*Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản sao để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Báo giá.*

##### 1.2. Evaluation of the validity of the Quotation/Đánh giá tính hợp lệ của Báo giá

The Quotation shall be considered valid when it meets all of the following requirements:

*Báo giá được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:*

- a) The Bidder has been shortlisted under Decision No 242/QĐ-TMB dated 24<sup>th</sup> January 2024 signed by General Director of Vinacomin - Northern Coal Trading Joint Stock Company regarding the approval of Pre-qualification result for Pre-qualification Documents: Oversea-produced coal supplier selection in 2024 for production and business activities of Vinacomin – Northern Coal Trading Joint Stock Company (STDSN01/2024), signed the Framework Agreement with Company and the Framework Agreement is not early terminated;

*Nhà thầu nằm trong Danh sách ngắn ban hành kèm theo Quyết định số 242/QĐ-TMB ngày 24/01/2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin về việc phê duyệt kết quả sơ tuyển Danh sách ngắn cho Hồ sơ mời sơ tuyển: Lựa chọn nhà cung cấp than nhập năm 2024 phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin (STDSN01/2024), đã ký Thỏa thuận khung với Công ty và Thỏa thuận khung không bị chấm dứt sớm trước thời hạn;*

- b) Have the original Quotation containing all components as specified in Section 2.1. Chapter I;



*Có bản gốc Báo giá gồm đầy đủ các thành phần theo quy định tại Mục 2.1. Chương I;*

- c) Having the Letter of Commitment in accordance with Form No. 04 of Chapter IV as required in the RFQ;

*Có Bản cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 04 Chương IV đáp ứng các yêu cầu của Bản YCBG;*

- d) Having an Offer Submission Form signed and sealed (if any) by the legal representative of the Bidder in accordance with the RFQ. In case the Bidder is a consortium, Offer Submission Form shall be signed and sealed (if any) by the legal representatives of every consortium member or by the head member of the consortium on behalf of the consortium according to the Consortium Agreement;

*Có Đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Bản YCBG. Đối với Nhà thầu liên danh, Đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký, đóng dấu (nếu có) theo Thỏa thuận Liên danh;*

- e) The validity period of the Quotation is 30 (thirty) days from the bid closing date;

*Thời hạn có hiệu lực của Báo giá là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu;*

- f) The offer price and the offer quantity mentioned in the Offer Submission Form must be specified and fixed in both figures and words. The Bidder must not propose different offer prices and offer quantity or includes disadvantaged conditions for the Company;

*Giá dự thầu, khối lượng dự thầu trong Đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá dự thầu, khối lượng dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu;*

- g) The duration of contract performance is: From the signing date of the contract to the end of 30<sup>th</sup> October 2024;

*Thời gian thực hiện hợp đồng là: Từ ngày ký hợp đồng đến hết 30/10/2024;*

- h) Having a Bid Security as specified in Section 2.14 of Chapter I.

*Có Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 2.14 Chương I.*

The Bidder that satisfies the above criterias shall be further evaluated. For the avoidance of doubt:

*Nhà thầu đáp ứng các tiêu chí trên sẽ được đánh giá tại các bước tiếp theo. Để làm rõ:*

- The Bidder is required to meet the above criteria fully. If the Bidder fails to meet any of the above criteria, its Quotation shall be disqualified and shall not be evaluated in the next steps.

*Nhà thầu phải đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí nêu trên. Trường hợp Nhà thầu không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào thì sẽ dẫn đến Báo giá bị loại, và Báo giá sẽ không được đánh giá ở các bước tiếp theo.*

- The Bidder is requested to study carefully the Instruction to Bidders and the requirements of RFQ. The failure of Bidder to comply with mentioned instructions and requirements will result in unconformity with the requirements of RFQ.

*Nhà thầu cần đọc kỹ các chỉ dẫn Nhà thầu và yêu cầu của Bản YCBG. Việc Nhà thầu không tuân thủ theo các chỉ dẫn và yêu cầu sẽ dẫn tới việc không phù hợp với yêu cầu của Bản YCBG.*

**2. Technical evaluation criteria/Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về kỹ thuật**

Use pass/fail criteria to evaluate the contents of type of coal, scope of supply, delivery schedule, quality and conditions for coal supply. The Bidder must submit Form No. 04 – Letter of Commitment in accordance with the requirements specified in Chapter II. Coal supply requirements. The Bidder is evaluated to meet technical criteria if all of the following contents are evaluated as “pass”:

*Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá các nội dung về chủng loại than, phạm vi, tiến độ cung cấp, chất lượng và các điều kiện đối với việc cung cấp than. Nhà thầu phải nộp Mẫu số 04 - Bản cam kết thực hiện gói thầu đáp ứng theo các yêu cầu quy định tại Chương II. Yêu cầu cung cấp than. Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng về tiêu chuẩn kỹ thuật nếu tất cả các nội dung sau đây được đánh giá là “đạt”:*

Type of coal, scope of supply, and delivery schedule in Form No. 04 - Letter of Commitment of the Bidder: Must meet the requirements specified in Section 1, Chapter II. Coal supply requirements.

*Chủng loại than, phạm vi và tiến độ cung cấp tại Mẫu số 04 - Bản cam kết thực hiện gói thầu của Nhà thầu chào: Phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 1, Chương II. Yêu cầu cung cấp than.*

Quality and conditions for coal supply in Form No. 04 - Letter of Commitment of the Bidder: Must meet the requirements specified in Section 2, Chapter II. Coal supply requirements.

*Chất lượng và các điều kiện đối việc cung cấp than tại Mẫu số 04 - Bản cam kết thực hiện gói thầu của Nhà thầu chào: Phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2, Chương II. Yêu cầu cung cấp than.*

The Bidder who meets all of the above technical criteria will be evaluated in the next steps. In case the Bidder does not meet any of these criteria, its Quotation shall be disqualified and shall not be evaluated in the next steps.

*Nhà thầu đáp ứng tất cả các tiêu chí về kỹ thuật trên sẽ được đánh giá tại các bước tiếp theo. Trường hợp Nhà thầu không đáp ứng bất kỳ tiêu chí nào thì sẽ dẫn đến Báo giá bị loại, và Báo giá sẽ không được đánh giá ở các bước tiếp theo.*

**3. Financial evaluation criteria/Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết về tài chính**



Financial evaluation criteria follows the method of price evaluation:

*Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính thực hiện theo phương pháp giá đánh giá:*

Step 1: Determine offer unit price (CFR Base unit price);

*Bước 1: Xác định đơn giá dự thầu (Đơn giá CFR cơ sở).*

Step 2: Error correction (if any);

*Bước 2: Sửa lỗi (nếu có).*

Step 3: Price adjustment of deviations (if any);

*Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).*

Step 4: Determine offer unit price after error correction, adjustment of deviation, minus discount (The discount unit price is equal to the total discount value divided by the offer quantity);

*Bước 4: Xác định đơn giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi đơn giá giảm giá (đơn giá giảm giá bằng tổng giá trị giảm giá chia cho khối lượng dự thầu).*

Step 5: Determine the evaluated unit price: The evaluated unit price is determined by the offer unit price after error correction, adjustment of deviation, minus discount plus the expected import tax unit price for CFR unit price portion (if any).

*Bước 5: Xác định đơn giá đánh giá: Đơn giá đánh giá được xác định bằng đơn giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi đơn giá giảm giá cộng đơn giá thuế nhập khẩu dự kiến tính cho phần đơn giá CFR (nếu có).*

Import tax unit price for CFR unit price portion = Import tax rate × CFR unit price.

*Đơn giá thuế nhập khẩu tính cho phần đơn giá CFR = Thuế suất thuế nhập khẩu × Đơn giá CFR.*

In which:

*Trong đó:*

- Import tax rate for the type of coal and origin of coal that Bidder offers is in accordance with Vietnamese law at the bid opening time.

*Thuế suất thuế nhập khẩu đối với chủng loại than và xuất xứ than nhà thầu chào theo quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm mở thầu.*

(Evaluated unit price shall be rounded to the nearest cent).

*(Đơn giá đánh giá được làm tròn tới đơn vị cent).*

The bidder with the lowest evaluated unit price shall be ranked the highest.

*Nhà thầu có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng cao nhất.*

#### CHAPTER IV. FORMS/CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU

Form No. 01. Bid Guarantee.

*Mẫu số 01. Bảo lãnh dự thầu.*

Form No. 02: Offer Submission Form.

*Mẫu số 02. Đơn chào hàng.*

Form No. 03: Summary Table of Offer price.

*Mẫu số 03. Bảng tổng hợp giá dự thầu.*

Form No. 04: Letter of Commitment.

*Mẫu số 04. Bản cam kết thực hiện gói thầu.* ✓



1. Form No.01: BID GUARANTEE/Mẫu số 01: BẢO LÃNH DỰ THẦU  
Form No. 01(a)/Mẫu số 01(a)

**BID GUARANTEE<sup>(1)</sup>/ BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(Applicable for independent Bidder)/ (áp dụng đối với Nhà thầu độc lập)

**Guarantee Applicant:** \_\_\_\_ [insert name of the Bidder]

**Bên yêu cầu bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi tên của Nhà thầu]

**Beneficiary:** \_\_\_\_ [insert name and address of the Procuring Entity]

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

**Date of issue:** \_\_\_\_ [insert date of issue of Bid Guarantee]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BID GUARANTEE No.:** \_\_\_\_ [insert number of the Bid Guarantee]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Guarantor:** \_\_\_\_ [insert name, address, phone number, fax number and email of issuer in case this information is not written in the letter head]<sup>(2)</sup>

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi tên, địa chỉ, số điện thoại, fax và email nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]<sup>(2)</sup>

We, \_\_\_\_\_, [insert name of the issuer] (hereinafter referred to as "the Guarantor") have been informed that \_\_\_\_\_ [insert name of the Bidder] (hereinafter referred to as "the Guarantee Applicant") will participate in the Package \_\_\_\_\_ [insert name and number of the Package] issued by \_\_\_\_\_ [insert name of the Procuring Entity] on \_\_\_\_\_ [insert the issuance date of RFQ].

Chúng tôi, \_\_\_\_\_, [ghi tên tổ chức phát hành] (sau đây gọi là "Bên bảo lãnh") được thông báo rằng \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự Gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên và số hiệu gói thầu] do \_\_\_\_\_ [ghi tên Bên mời thầu] phát hành ngày \_\_\_\_\_ [ghi ngày phát hành Bản YCBG].

We hereby commit with the Beneficiary that we guarantee for the Guarantee Applicant to participate in this Package with a total amount of \_\_\_\_\_ [insert amount in figures and words with currency unit].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Bên yêu cầu bảo lãnh tham dự gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

This Guarantee shall be valid for \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup> days from the date of \_\_\_\_\_<sup>(4)</sup>

Bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng \_\_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

At the request of the Guarantee Applicant, we, as the Guarantor, commit unconditionally and irrevocably without the prior consent of the Guarantee Applicant, to pay the Beneficiary a sum or sums not exceeding the total amount of

\_\_\_\_ [insert amount in figures] (\_\_\_\_ [insert amount in words]) upon receipt of a written request from the Beneficiary stating that the Guarantee Applicant is in breach of at least one of the following:

*Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết vô điều kiện và không hủy ngang mà không cần sự đồng ý trước của Bên yêu cầu bảo lãnh, sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là \_\_\_\_ [ghi bằng số] (\_\_\_\_ [ghi bằng chữ]) khi nhận được văn bản yêu cầu từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm ít nhất một trong các nội dung sau đây:*

1. The Guarantee Applicant requests to withdraw the Quotation after the bid closing time and within the validity period of the Quotation.

*Bên yêu cầu bảo lãnh yêu cầu rút Báo giá sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Báo giá.*

2. The Guarantee Applicant violates law on bidder selection and provisions in the RFQ, and this violation results in the cancellation of the bidding package as prescribed in the RFQ.

*Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm pháp luật về lựa chọn nhà thầu và quy định tại Bản YCBG dẫn đến phải hủy gói thầu theo quy định tại Bản YCBG.*

3. The Guarantee Applicant fails to carry out Performance Security in accordance with the RFQ.

*Bên yêu cầu bảo lãnh không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Bản YCBG.*

4. After the expiration of the negotiation time period specified in the Invitation for Contract Negotiation, the Guarantee Applicant fails or refuses to negotiate the Contract or negotiates the contract but refuses to complete or does not complete the signing of the Minutes of Contract Negotiation, except in the force majeure cases and the Procuring Entity receives a notice of force majeure from the Bidder within this time period.

*Hết thời hạn trong Thông báo mời thương thảo Hợp đồng mà Bên yêu cầu bảo lãnh không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, từ chối ký kết hợp đồng bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Bên yêu cầu bảo lãnh trong thời hạn này.*

5. The Guarantee Applicant fails or refuses to sign the contract within time period specified in the Notice of Approval of the Quotation and Contract Award of the Procuring Entity, except in the force majeure cases and the Procuring Entity receives a notice of force majeure from the Bidder within this time period.

*Bên yêu cầu bảo lãnh không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận Báo giá và trao hợp*



*đồng của Bên mời thầu, từ chối hợp bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Bên yêu cầu bảo lãnh trong thời hạn này.*

6. The Guarantee Applicant violates the principles of contract negotiation as prescribed in the RFQ.

*Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm nguyên tắc thương thảo Hợp đồng được quy định tại Bản YCBG.*

7. The Guarantee Applicant violates the provisions of the RFQ, resulting in the termination of the contract negotiation.

*Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm quy định của Bản YCBG dẫn đến phải chấm dứt thương thảo Hợp đồng.*

The Beneficiary does not need to prove or provide any documents to Guarantor and does not need the approval of Guarantee Applicant.

*Bên thụ hưởng không cần chứng minh hay cung cấp bất kỳ tài liệu nào cho Bên bảo lãnh, đồng thời không cần có sự đồng ý của Bên yêu cầu bảo lãnh.*

If the Guarantee Applicant is selected for contract award: this Guarantee shall expire right after the Guarantee Applicant signs the Contract and submit the Performance Guarantee to the Beneficiary.

*Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng.*

If the Guarantee Applicant is not selected for contract award: this Guarantee shall expire right after we receive a copy of Notice of Bidder selection result sent by the Beneficiary to the Guarantee Applicant or after the expiration of the validity period of this Guarantee, whichever comes first.

*Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản sao văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc sau khi hết thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này, tùy thời điểm nào đến trước.*

Any request for payment under this Guarantee must be sent to our address within the validity period of this Guarantee.

*Bất cứ yêu cầu thanh toán nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến địa chỉ của chúng tôi trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này.*

**Authorized representative of the Bank/Credit institution**

***Đại diện hợp pháp của ngân hàng/tổ chức tín dụng***

[Full name, position, signature and seal]

[Ghi tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu]



Notes/Ghi chú:

- (1) Applicable to Bid Security in the form of a Letter of Guarantee issued by a credit institution or a branch of foreign bank established under Vietnamese law. The bank/the credit institution is recommended to use this Form. If the bank/the credit institution uses another form and violates one of the following provisions: the Bid Guarantee's value is lower than the required value, validity period of Bid Guarantee is shorter than the required validity period as prescribed in Section 2.14, Chapter I – Instruction to Bidders; Procuring entity's name (the Beneficiary's name) is incorrect; Bid Guarantee is not an original and does not have a valid signature; Bid Guarantee is signed before the issuing of the RFQ; Bid Guarantee fails to comply with the provision in the subsection 1 of Section 2.14 of Chapter I; Bid Guarantee has disadvantaged conditions for the Procuring entity, then the Bid Guarantee shall be considered invalid.

*Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng/tổ chức tín dụng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 2.14 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành Bản YCBG, không tuân thủ quy định tại tiểu mục 1 Mục 2.14 Chương I, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo đảm dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.*

- (2) Specify address, phone number, fax number, email to contact.

*Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, fax, email để liên hệ.*

- (3) Insert the validity days as prescribed in Section 2.14 of Chapter I – Instruction to Bidders. The validity period of the Bid Guarantee is calculated from the bid closing date to the last validity date as prescribed in the RFQ. The time from the bid closing time to the end of 24 hours of the bid closing date is counted as 1 day.

*Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 2.14 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong Bản YCBG. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.*

- (4) Insert the bid closing date as prescribed in Section 2.11 Chapter I – Instruction to Bidders.

*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 2.11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.*



**BID GUARANTEE<sup>(1)</sup>/ BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(Applicable for Consortium)/ (áp dụng đối với Nhà thầu liên danh)

**Guarantee Applicant:** \_\_\_\_ [insert name of the Bidder<sup>(2)</sup>]

**Bên yêu cầu bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi tên của Nhà thầu<sup>(2)</sup>]

**Beneficiary:** \_\_\_\_ [insert name and address of the Procuring Entity]

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

**Date of issue:** \_\_\_\_ [insert date of issue of Bid Guarantee]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BID GUARANTEE NO:** \_\_\_\_ [insert number of the Bid Guarantee]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Guarantor:** \_\_\_\_ [insert name, address, phone number, fax number and email of issuer in case this information is not written in the letter head]<sup>(3)</sup>

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi tên, địa chỉ, số điện thoại, fax và email nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]<sup>(3)</sup>

We, \_\_\_\_\_, [insert name of the issuer] (hereinafter referred as "the Guarantor") have been informed that \_\_\_\_\_ [insert name of the Bidder] (hereinafter called "the Guarantee Applicant") will participate in the Package \_\_\_\_\_ [insert name and number of the Package] issued by \_\_\_\_\_ [insert name of the Procuring Entity] dated \_\_\_\_\_ [insert the date of RFQ issuance].

Chúng tôi, \_\_\_\_\_, [ghi tên tổ chức phát hành] (sau đây gọi là "Bên bảo lãnh") được thông báo rằng \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự Gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên và số hiệu gói thầu] do \_\_\_\_\_ [ghi tên Bên mời thầu] phát hành ngày \_\_\_\_\_ [ghi ngày phát hành Bản YCBG].

We hereby commit with the Beneficiary that we guarantee for the Guarantee Applicant to participate in this Package with an amount of \_\_\_\_\_ [insert amount in figures and words with currency unit].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Bên yêu cầu bảo lãnh tham dự gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

This Guarantee shall be valid for \_\_\_\_\_ <sup>(4)</sup> days from the date of \_\_\_\_\_ <sup>(5)</sup>

Bảo lãnh này có hiệu lực trong vòng \_\_\_\_\_ <sup>(4)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ <sup>(5)</sup>.

At the request of the Guarantee Applicant, we, as the Guarantor, commit unconditionally and irrevocably without the prior consent of the Guarantee Applicant, to pay the Beneficiary a sum or sums not exceeding the total amount of \_\_\_\_\_ [insert amount in figures] (\_\_\_\_\_ [insert amount in words]) upon receipt of a

written request from the Beneficiary stating that the Guarantee Applicant is in breach of at least one of the following:

*Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết vô điều kiện và không hủy ngang mà không cần sự đồng ý trước của Bên yêu cầu bảo lãnh, sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là \_\_\_\_ [ghi bằng số] (\_\_\_\_ [ghi bằng chữ]) khi nhận được văn bản yêu cầu từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm ít nhất một trong các nội dung sau đây:*

1. The Guarantee Applicant requests to withdraw the Quotation after the bid closing time and within the validity period of the Quotation.

*Bên yêu cầu bảo lãnh yêu cầu rút Báo giá sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của Báo giá.*

2. The Guarantee Applicant violates law on bidder selection and provisions in the RFQ, and this violation results in the cancellation of the bidding package as prescribed in the RFQ.

*Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm pháp luật về lựa chọn nhà thầu và quy định tại Bản YCBG dẫn đến phải hủy gói thầu theo quy định tại Bản YCBG.*

3. The Guarantee Applicant fails to carry out Performance Security in accordance with the RFQ.

*Bên yêu cầu bảo lãnh không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Bản YCBG.*

4. After the expiration of the negotiation time period specified in the Invitation for Contract Negotiation, the Guarantee Applicant fails or refuses to negotiate the Contract or negotiates the contract but refuses to complete or does not complete the signing of the Minutes of Contract Negotiation, except in the force majeure cases and the Procuring Entity receives a notice of force majeure from the Bidder within this time period.

*Hết thời hạn trong Thông báo mời thương thảo Hợp đồng mà Bên yêu cầu bảo lãnh không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoàn thiện, ký kết biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Bên yêu cầu bảo lãnh trong thời hạn này.*

5. The Guarantee Applicant fails or refuses to sign the contract within time period specified in the Notice of approval of the Quotation and Contract Award of the Procuring Entity, except in the force majeure cases and the Procuring Entity receives a notice of force majeure from the Bidder within this time period.

*Bên yêu cầu bảo lãnh không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận Báo giá và trao hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng và Bên mời thầu đã nhận được thông báo về bất khả kháng từ Bên yêu cầu bảo lãnh trong thời hạn này.*



6. The Guarantee Applicant violates the principles of contract negotiation as prescribed in the RFQ.

*Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm nguyên tắc thương thảo Hợp đồng được quy định tại Bản YCBG.*

7. The Guarantee Applicant violates the provisions of the RFQ, resulting in the termination of the contract negotiation.

*Bên yêu cầu bảo lãnh vi phạm quy định của Bản YCBG dẫn đến phải chấm dứt thương thảo Hợp đồng.*

8. If any member of the Consortium: \_\_\_\_\_ [insert complete name of the Consortium] violates the law and/or the provisions of the RFQ, leading ineligible for the release of Bid Guarantee as prescribed in this Guarantee, the Bid Guarantee(s) of all consortium members shall not be released and the Beneficiary reserves the rights to request the bank/credit institution to perform its guarantee obligation.

*Nếu bất kỳ thành viên nào trong Liên danh \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên của Nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật và/hoặc các quy định khác của Bản YCBG dẫn đến không được giải tỏa bảo lãnh dự thầu theo quy định tại Bảo lãnh này thì bảo lãnh dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được giải tỏa và Bên thụ hưởng có quyền yêu cầu ngân hàng/tổ chức tín dụng của Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.*

The Beneficiary does not need to prove or provide any documents to Guarantor and does not need the approval of Guarantee Applicant.

*Bên thụ hưởng không cần chứng minh hay cung cấp bất kỳ tài liệu nào cho Bên bảo lãnh, đồng thời không cần có sự đồng ý của Bên yêu cầu bảo lãnh.*

If the Guarantee Applicant is selected for contract award: this Guarantee shall expire right after the Guarantee Applicant signs the Contract and submit the Performance Guarantee to the Beneficiary.

*Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng.*

If the Guarantee Applicant is not selected for contract award: this Guarantee shall expire right after we receive a copy of Notice of Bidder selection result sent by the Beneficiary to the Guarantee Applicant or after the expiration of the validity period of this Guarantee, whichever comes first.

*Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản sao văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc sau khi hết thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này, tùy thời điểm nào đến trước.*

Any request for payment under this Guarantee must be sent to our address within the validity period of this Guarantee.

*Bất cứ yêu cầu thanh toán nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến địa chỉ của chúng tôi trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh này.*

**Authorized representative of the Bank/ Credit institution**

***Đại diện hợp pháp của ngân hàng/tổ chức tín dụng***

[Full name, position, signature and seal]

*[Ghi tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu]*

Notes/ *Ghi chú:*

- (1) Applicable to Bid Security in the form of a Letter of Guarantee issued by a credit institution or a branch of foreign bank established under Vietnamese law. The bank/the credit institution is recommended to use this Form. If the bank/the credit institution uses another form and violates one of the following provisions: the Bid Guarantee's value is lower than the required value, validity period of Bid Guarantee is shorter than the required validity period as prescribed in Section 2.14, Chapter I – Instruction to Bidders; Procuring entity's name (the Beneficiary's name) is incorrect; Bid Guarantee is not an original and does not have a valid signature; Bid Guarantee is signed before the issuing of the RFQ; Bid Guarantee fails to comply with the provision in the subsection 1 of Section 2.14 of Chapter I; Bid Guarantee has disadvantaged conditions for the Procuring entity, then the Bid Guarantee shall be considered invalid.

*Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng/tổ chức tín dụng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 2.14 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Bên mời thầu phát hành Bản YCBG, không tuân thủ quy định tại tiểu mục 1 Mục 2.14 Chương I, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo đảm dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.*

- (2) The Bidder may have one of the following names:

*Tên Nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:*

- Name of the consortium;

*Tên của cả Nhà thầu liên danh;*



- Name of the member in charge of the Bid Guarantee for the consortium or for another member in the consortium;

*Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh;*

- Name of each consortium member submitting the Bid Guarantee separately.

*Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.*

- (3) Specify address, phone number, fax number, email to contact.

*Ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, fax, email để liên hệ.*

- (4) Insert the validity days as prescribed in Section 2.14 of Chapter I - Instruction to Bidders. The validity period of the Bid Guarantee is calculated from the bid closing date to the last validity date as prescribed in the RFQ. The time from the bid closing time to the end of 24 hours of the bid closing date is counted as 1 day.

*Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 2.14 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong Bản YCBG. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.*

- (5) Insert the bid closing date as prescribed in Section 2.11 Chapter I – Instruction to Bidders.

*Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 2.11 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.*

2. Form No. 02: OFFER SUBMISSION FORM/Mẫu số 02: ĐƠN CHÀO HÀNG

Form No. 02(a)/Mẫu số 02(a)

OFFER SUBMISSION FORM<sup>(1)</sup>/ĐƠN CHÀO HÀNG<sup>(1)</sup>

(Applicable to the Applicant who has no discount offer or has discount offer submitted in a separate discount letter)/(áp dụng trong trường hợp Nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Date: \_\_ [insert date of signing of Offer Submission Form]

Ngày: \_\_ [ghi ngày tháng năm ký Đơn chào hàng]

Name of the Package: \_\_ [insert the name and number of the Package]

Tên gói thầu: \_\_ [ghi tên và số hiệu gói thầu]

To: \_\_ [insert complete and accurate name of the Procuring Entity]

Kính gửi: \_\_ [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

After carefully studying the RFQ and revisions thereof no. \_\_ [insert the number of the revisions (if any)] that we have received, we, \_\_ [insert name of the Bidder], pledge ourselves to perform Package \_\_ [insert the name and number of the Package] in accordance with the RFQ with an offer price of \_\_ [insert the amount in figures and in words with currency unit], corresponding to the offer quantity of \_\_ [insert the offer quantity in numbers and in words with units]<sup>(2)</sup> (including the cost contingency 15%), together with the accompanying Summary Table of Offer Price and all other relevant documents in the Quotation.

Sau khi nghiên cứu Bản YCBG và văn bản sửa đổi Bản YCBG số \_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_ [ghi tên Nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_ [ghi tên và số hiệu gói thầu] theo đúng yêu cầu của Bản YCBG với giá dự thầu là \_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu], tương ứng với khối lượng dự thầu là \_\_ [ghi khối lượng dự thầu bằng số, bằng chữ và đơn vị tính]<sup>(2)</sup> (đã bao gồm chi phí dự phòng 15%) cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo và toàn bộ các tài liệu liên quan trong Báo giá.

The duration of contract performance is \_\_ [Insert the time to complete all the tasks as required by the package].

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu].

This Quotation takes effect within \_\_ days<sup>(3)</sup>, from the date of \_\_<sup>(4)</sup>.

Báo giá này có hiệu lực trong vòng \_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_ tháng \_\_ năm \_\_<sup>(4)</sup>.

